BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Đối tượng: Chuyên khoa I – chuyên ngành Y học cổ truyền

HÀ NỘI - 2018

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM
Số: 1589/QĐ- HVYDHCTVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban đề cương các học phần trong chương trình đào tạo chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN Y-DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5545/QĐ-BYT ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Thông tư số 07/2015/TT - BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Kế hoạch số 871/KH-HVYDHCTVN ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam về việc rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo đại học, sau đại học;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và đào tạo ngày 30 tháng 12 năm 2018

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề cương các học phần trong chương trình đào tạo chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền (Đề cương chi tiết học phần kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ khóa tuyển sinh năm 2018.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng: Đào tạo Sau đại học, Kiểm định chất lượng đào tạo, Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, Hành chính quản trị, Tài chính kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (báo cáo);
- Đăng Website của Học viện;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Đậu Xuân Cảnh

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 158/QĐ-HVYDHCTVN ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

TT	Mã học phần	Tên học phần/môn học	Số tín chỉ
1	HVTR	Triết học Mác - Lê Nin	3.0
2	HVNN	Ngoại ngữ chuyên ngành	3.0
3	HVTH	Tin học ứng dụng	2.0
	HVTP	Các tác phẩm kinh điển Y học cổ truyền (Hải Thượng Y tông tâm lĩnh, Nội kinh, Nạn Kinh, Kim quỹ yếu lược Thương hàn luận)	4.0
4	HVSP	Phương pháp giảng dạy đại học	3.0
5	HVHS	Hồi sức cấp cứu	4.0
6	HVPT	Phương tễ học lâm sàng (tích hợp trong điều trị)	2.0
7	HVCC	Châm cứu (tích hợp trong điều trị)	2.0
8	HVKC	Khí công - Dưỡng sinh -XBBH (tích hợp trong điều trị)	2.0
9	HVNO	Chuyên ngành Nội	40.0
Hoặc	HVNG	Chuyên ngành Ngoại	40.0
Hoặc	HVNH	Chuyên ngành Nhi	40.0
Hoặc	HVPS	Chuyên ngành Phụ sản	40.0
10		Thi tốt nghiệp (Lý thuyết + Thực hành)	

HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Triết học

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Đinh Nguyễn An

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Địa điểm liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Học viện Y Dược học cổ truyền VN

Điện thoại: 0944371111; Email: dinhnguyenan1181@gmail.com

- Giảng viên tham gia giảng dạy: Bùi Thị Phương Thúy

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Địa điểm liên hệ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Học viện Y Dược học cổ truyền VN

Điện thoại: 0989727656 ; Email: Phuongthuy12883.pt@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Triết học

Tên tiếng Anh: Philosophy

2.2. Mã học phần: HVTR

2.3. Số tín chỉ : 03 tín chỉ lý thuyết ; 0 thực hành

2.4. Áp dụng cho:

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Cao học

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: Bắt buộc

2.6. Các học phần tiên quyết: Không

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có):*

2.8. Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết

+ Làm bài kiểm tra trên lớp: 01 tiết

+ Thảo luận: 8 tiết

+ Tự học: 13 tiết

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Lý luận chính trị

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.

- Hiểu được tầm quan trọng và ghi nhớ được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay.

3.1.2. Kĩ năng:

Kết thúc môn học người học có được lối tư duy khoa học, biện chứng, có một thế giới quan và phương pháp luận triết học trong nhận thức đối tượng (đặc biệt là các đối tượng thuộc lĩnh vực thuộc khoa học tự nhiên) cũng như trong quá trình vận dụng kiến thức đã học để cải tạo thực tiễn.

3.1.3. Thái độ:

- Tôn trọng các nguyên tắc được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong thực tiễn.

- Thấy được vai trò của khoa học công nghệ như là động lực của sự phát triển xã hội.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần:

- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam.

- Trình bày được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học cũng như biết được vai trò, sự phát triển của Khoa học công nghệ hiện nay đối với sự phát triển của xã hội.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình môn Triết học có 4 chương, trong đó gồm :

- Chương 1: Đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông và một phần tư tưởng triết học Việt Nam

- Chương 2: Gồm các nội dung nâng cao về Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó.

- Chương 3: Đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đối với việc nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ hiện nay.

- Chương 4: Phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống xã hội và thực trạng vấn đề này ở nước ta giai đoạn hiện nay.

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương	Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1: **KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC**	**I. Triết học là gì?** 1. Khái niệm triết học 2. Đối tượng của triết học 3. Vấn đề cơ bản của triết học 4. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm 5. Khả tri và bất khả tri 6. Biện chứng và siêu hình **II. Triết học phương Đông** 1. Triết học Ấn Độ cổ đại 2. Triết học Trung Hoa cổ đại **III. Tư tưởng triết học Việt Nam** - Vấn đề tư tưởng triết học Việt Nam. - Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh. **IV. Triết học phương Tây** 1. Đặc thù của triết học phương Tây. 2. Triết học Hy Lạp cổ đại 3. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại. 4. Triết học cổ điển Đức. 5. Triết học phương Tây đương đại.	16 tiết	- Nắm được những nội dung chính trong các trường phái triết học trong lịch sử từ Phương Đông đến Phương Tây và có được những hiểu biết nhất định về Tư tưởng triết học Việt Nam. - Hiểu được được tầm quan trọng và nắm bắt được những nội dung cơ bản nhất của Triết học Mác – Lênin, coi đó là kim chỉ nam cho hành động của bản thân	+ Giảng lý thuyết + Thảo luận trên lớp + Học viên tự học	Đinh Nguyễn An

Chương 2: **TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN**	**I. Sự ra đời của triết học Mác - Lênin** 1. Điều kiện kinh tế - xã hội 2. Tiền đề lý luận 3. Tiền đề khoa học tự nhiên 4. Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin. 5. Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin. **II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng** 1.Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật 2. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật (mâu thuẫn, lượng chất, phủ định của phủ định). 3. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật **III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử** 1. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội 2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 4. Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội 5. Tiến bộ xã hội. Quy luật về sự tiến bộ của xã hội loài người **IV. Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay** 1. Những biến đổi của thời đại 2. Vai trò của Triết học Mác - Lênin	12 tiết	- Trình bày được nội dung 2 nguyên lý, 3 quy luật, 6 cặp phạm trù của Chủ nghĩa duy vật biện chứng. - Nắm bắt được các ý nghĩa phương pháp luật được rút ra từ quá trình học tập, nghiên cứu các nguyên lý, quy luật, phạm trù nêu trên. - Kết thúc môn học người học có được lối tư duy khoa học, biện chứng, có một thế giới quan và phương pháp luận triết học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. - Tôn trọng các nguyên tắc, quan điểm được rút ra từ những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin (nguyên tắc khách quan, quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử-cụ thể...v..v..), lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động trong thực tiễn.	+ Giảng lý thuyết + Thảo luận trên lớp + Học viên tự học	Đinh Nguyễn An
Chương 3:	**1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học** *a. Triết học không tồn tại tách rời đời sống khoa học và đời sống thực tiễn.*	8 tiết	- Nắm bắt được mối quan hệ tương hỗ giữa Triết học và Khoa học	+ Giảng lý thuyết	

MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC	*b. Ý nghĩa của phát minh* **2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học** *a. Thế giới quan và phương pháp luận* *b. Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức và hoạt động của các khoa học* *c. Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường*		- Nhận thức được vai trò thế giới quan và phương pháp luận của Triết học đối với sự phát triển của khoa học. - Tôn trọng mối quan hệ 2 chiều giữa Triết học và Khoa học trong nhận thức, nghiên cứu khoa học và cải tạo hiện thực.	+ Học viên tự học	Đinh Nguyễn An
Chương 4: VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI	**1. Ý thức Khoa học** *a. Khoa học và sự ra đời và phát triển của nó.* *b. Các loại hình khoa học chủ yếu* **2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội** *a. Cách mạng khoa học - công nghệ* *b. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội* **3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam** *a. Thực trạng khoa học công nghệ Việt Nam* - Những thành tựu về khoa học công nghệ ở Việt Nam từ khi đổi mới đến nay. - Những hạn chế, yếu kém. - Nguyên nhân của những thành tựu, yếu kém. *b. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam* - Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về khoa học - công nghệ. - Chiến lược phát triển khoa học công nghệ Việt Nam. - Nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học công nghệ Việt Nam trong giai đoạn tới.	9 tiết		+ Giảng lý thuyết + Thảo luận trên lớp + Học viên tự học	

6. Học liệu

* *Tài liệu chính:* Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

**** Tài liệu tham khảo:***

- Trần Văn Thụy (2013): *Triết học Lý luận và vận dụng*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Kiểm tra	Thảo luận				
1	Chương 1: Khái lược về Triết học	8		4		4	Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo	
2	Chương 2: Triết học Mác - Lênin	4	1	3		4		
3	Chương 3: Mối quan hệ giữa Triết học và Khoa học tự nhiên	4		4				
4	Chương 4: Vai trò của Khoa học công nghệ đối với sự phát triển của xã hội	4		4		1		

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Thi tự luận hoặc Viết bài tiểu luận
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

9.1. Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.2. Điểm tổng kết học phần: 100% trong đó:

- Điểm chuyên cần: Chiếm 10%
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: Chiếm 30%
- Điểm thi kết thúc học phần: Chiếm 60%

9.3. Điểm tổng kết học phần phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
Đoàn Công Hợp	Đinh Nguyên An

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Tiếng Trung chuyên ngành

Đối tượng: Chuyên khoa 1 – CN Y học cổ truyền

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: **Nguyễn Chi Lê**

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Phòng 1011, Tòa nhà A, HV YDHCTVN

Điện thoại: 0936.719966 Email: chile982002@gmail.com

- Thông tin về trợ giảng (*nếu có*) (*họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail*): Không
- Giảng viên tham gia giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Chi Lê	0936719966	chile982002@gmail.com
2	Ths. Nguyễn Thanh An	0768288858	nguyenthanhan78@gmail.com
3	Ths. Nguyễn Phương Dung	0986056598	phuongdungbmnn@gmail.com
4	Ths. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	0982347909	honghanh.bmnn@gmail.com
5	Ths. Phạm Thu Hằng	0904772323	phamhangvutm@gmail.com
6	Ths. Phạm Thị Hoa	0395556928	phamhoa0778@gmail.com
7	Ths. Trần Thị Ngọc Liên	00979639199	tranngoclien08121984@gmail.com
8	TS. Đàm Tú Quỳnh	0905131520	tuquynh19762015@gmail.com
9	Ths. Nguyễn Thị Thùa	0977166638	minhthua78@gmail.com
10	Ths. Lê Thu Trang	0936719696	thutrang293@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: **Tiếng Trung chuyên ngành**

Tên tiếng Anh: **Chinesse for Medical Purposes**

2.2. Mã học phần:

2.3. Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): 05 (03LT/0TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: **Y học cổ truyền**

+ Bậc đào tạo: **Chuyên khoa 1**

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: *(bắt buộc hay tự chọn) Bắt buộc*

2.6. Các học phần tiên quyết: Không

2.7. Các yêu cầu khác đối với học phần: Ngoại ngữ thi đầu vào là tiếng Trung, tương đương trình độ HSK3 hoặc tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

2.8. Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30

+ Làm bài tập trên lớp: 20

+ Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: 25 tiết

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm 2-5 học viên

+ Tự học: 90

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

3. Mục tiêu của Học phần:

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần:

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1 Về kiến thức

+ Học viên nắm được các thuật ngữ chuyên ngành trong các lĩnh vực như chẩn đoán, điều trị, giải quyết vấn đề, lên kế hoạch chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người bệnh.

+ Học viên nắm được và ôn tập một số kiến thức ngữ pháp, các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết được lồng ghép trong mỗi đơn vị bài học xây dựng trong môi trường chuyên nghành.

+ Học viên hiểu và có thể thiết lập các tình huống giao tiếp về chuyên môn bằng tiếng Anh.

+ Học viên được làm quen với việc đọc hiểu các bài viết chuyên ngành y ở mức độ trung cấp.

3.1.2. Về kỹ năng

Học viên củng cố và phát triển được những kỹ năng sau:

Kỹ năng Nghe

+ Nghe lấy thông tin chi tiết; phát triển thêm kỹ năng nghe và ghi lại được thông tin chính; nghe hiểu và nói lại được ý chính của một đoạn văn ngắn trong bản tin; nghe và tóm tắt bài khoá.

Kỹ năng Nói

+ Biết sử dụng từ ngữ và cấu trúc ngôn ngữ để khai thác và miêu tả triệu chứng bệnh, giải thích quy trình điều trị cho bệnh nhân, giải thích công dụng của thuốc điều trị cho bệnh nhân, chẩn đoán, điều trị, giải quyết vấn đề, lên kế hoạch chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người bệnh…

+ Hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề, biết cách thuyết trình trước lớp hoặc trước đám đông về các chủ đề học trong chương trình.

+ Nắm được các kỹ năng thuyết trình: bắt đầu và kết thúc một bài thuyết trình, cấu trúc một bài thuyết trình, chuyển ý giữa các phần trong bài thuyết trình, cách sử dụng các giáo cụ trực quan, sử dụng ngôn ngữ cử chỉ, chuẩn bị và trả lời các câu hỏi từ người nghe…

Kỹ năng Đọc

+ Đọc các bài khóa có liên quan đến chủ đề học trong chương trình: đọc và xác định ý chính trong bài; đọc và xác định các thông tin chi tiết; sử dụng thông tin trong ngữ cảnh để đoán nghĩa của từ, tóm tắt và tự đặt ra câu hỏi trong khi đọc…

+ Hiểu bài đọc và áp dụng thành thạo các kỹ năng đọc để giải quyết tốt các bài tập có liên quan đến nội dung bài đọc như: đọc và trả lời câu hỏi, điền thông tin còn thiếu vào đoạn văn, sắp xếp lại các sự kiện trong bài, tìm từ đồng nghĩa, đoán nghĩa của từ dựa vào văn cảnh v.v…

Kỹ năng Viết

+ Tiếp tục củng cố và nâng cao kỹ năng viết thư đã học ở môn học Tiếng Trung cơ bản, viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết bệnh án, viết email, miêu tả quy trình, viết đơn xin việc hoặc đơn xin tham dự khóa đào tạo...

Kỹ năng Dịch

+ Kỹ năng dịch ngược và dịch xuôi, đồng thời thực hành dịch các tài liệu chuyên ngành.

3.1.3. Thái độ

+ Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy logic.

+ Hình thành và phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học.

+ Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động học tập.

+ Hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng phục vụ cho việc học.

+ Hình thành kỹ năng trình bày, giải thích và tranh luận về một vấn đề trước các thành viên khác trong lớp.

+ Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm

+ Tự tin trong thảo luận và trình bày các yêu cầu của bài học.

+ Trung thực trong làm bài, không quay cóp, không sử dụng bài của người khác.

+ Có thái độ nghiêm túc, hăng hái trong việc thực hành và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ.

+ Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

Nội dung 1: Châm cứu

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Châm cứu.
- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Châm cứu có tác dụng điều chỉnh như thế nào đối với các tổ chức cơ quan ở cơ thể người? Liệu pháp châm cứu có ảnh hưởng như thế nào ở Trung Quốc và trên thế giới?
- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan quá trình châm cứu.
- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm cứu, tác dụng của châm cứu, sự ảnh hưởng của châm cứu đối với Trung Quốc và thế giới.

Nội dung 2: Điều trị bằng châm cứu

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Liệu pháp châm thích.
- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: thế nào là liệu pháp châm thích? Liệu pháp châm thích có nguồn gốc từ đâu? Kim được dùng trong châm thích có mấy loại? Góc châm thích có mấy góc? Có mấy thủ pháp châm thích? Thế nào là "đắc khí"?
- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan liệu pháp châm thích.
- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm thích, tác dụng của liệu pháp châm thích, chống chỉ định trong sử dụng liệu pháp châm thích.

Nội dung 3: Xoa bóp

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Xoa bóp
- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: xoa bóp là gì? Phương pháp xoa bóp là gì? Có mấy loại phương pháp xoa bóp thường dung? Tại sao xoa bóp có thể bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh? Xoa bóp thường được dùng để chữa những chứng bệnh gì?
- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan quá trình xoa bóp điều trị.
- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm thích, tác dụng của liệu pháp xoa bóp điều trị, chống chỉ định trong xoa bóp điều trị.

Nội dung 4: Thảo dược: Truyền thuyết cam thảo

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Trung dược
- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: nguyên liệu chính của Trung dược là gì? Tính năng của một loại thảo dược là như thế nào? Tác dụng chữa bệnh của cây cam thảo? Chủ yếu chữa trị chứng bệnh là gì?
- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Trung dược:

Nội dung 5: Nhân sâm

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Trung dược

- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về đông dược, về vị thuốc liên quan, như: Nhâm sâm có mấy loại? Tác dụng chữa trị chủ yếu của nhân sâm là gì? Khí hư thông thường có chứng trạng gì? Nên ăn nhân sâm loại gì? Khí hư nghiêm trọng có chứng trạng gì? Nên ăn nhân sâm loại gì? Tại sao nhân sâm có thể bổ hư?
- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Trung dược:

Nội dung 6: Đặc điểm cơ bản của lý luận y học cổ truyền

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Lý luận cơ bản Trung y.
- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: đặc điểm cơ bản của Trung y? Tại sao lại nói cơ thể người là chỉnh thể hữu cơ? Mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên? Thế nào là "biện chứng"? Thế nào là "luận trị"? Sự khác nhau giữa "chứng" và "bệnh"?....
- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về đông dược, về thuật ngữ chuyên ngành y học cổ truyền, chẩn đoán y học cổ truyền.
- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Lý luận cơ bản Trung y.

Nội dung 7: Học thuyết âm dương

- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Học thuyết âm dương;
- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Học thuyết âm dương giải thích như thế nào về các sự vật và hiện tượng trong thế giới tự nhiên; Các tổ chức bộ phận cơ quan ở cơ thể người được phân âm – dương như thế nào? Học thuyết âm dương giải thích hoạt động sinh lý của cơ thể người? Học thuyết âm dương giải thích như thế nào về phát sinh và biến đổi bệnh tật? Học thuyết âm dương dùng để chỉ đạo chẩn đoán và điều trị như thế nào?
- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về học thuyết âm dương, ứng dụng học thuyết âm dương vào điều trị bệnh;

Nội dung 8: Ôn tập

- Học viên vận dụng, đặt câu với các hiện tượng ngữ pháp là câu phức liên hợp, câu phức chuyển triết, câu phức nguyên nhân – kết quả;
- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: vận dụng các câu phức trong đọc hiểu, nghe, viết và nói;
- Học viên nắm được phần ngữ pháp, từ vựng liên quan đến học thuyết Âm dương, học thuyết Ngũ hành, học thuyết tạng phủ và Khí, huyết, tân dịch.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Khi học bất kỳ thứ tiếng nào, ngoài việc học kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ra, khi học viên đã có được vốn kiến thức cơ bản nhất định sẽ có nhu cầu nâng cao ngoại ngữ để phục vụ cho chuyên môn, chuyên ngành mà mình đang nghiên cứu. Đối với những học viên đã và đang làm việc trong lĩnh vực y học cổ truyền thì môn Hán ngữ Trung y là rất cần thiết. Khi học

môn này học viên sẽ học được nhiều từ ngữ và thuật ngữ chuyên ngành, kết cấu ngữ pháp qua các bài khóa mang tính lí luận và thực tiễn trong y học cổ truyền. Tiến trình bài giảng như sau:

(1) Trước tiên đọc từ mới và bài khóa sẽ làm cho vốn từ vựng của học viên trở nên phong phú và sinh động với những ví dụ cụ thể từ bài khóa.

(2) Bài khóa là nguồn cung cấp dồi dào tư liệu cho môn viết. Khi học viên đọc một bài viết bằng tiếng Trung chuyên ngành, chính nó đã là một ví dụ thực tế minh họa cho những bài luận tiếng Trung. Những bài viết như thế cung cấp cho học viên những cấu trúc cũng như cách diễn đạt mà học viên có thể dùng trong bài viết của mình.

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Nội dung 1: Châm cứu	**第一课：针灸** **Bài 1: Châm cứu** 一、生词：35 个生词；3 个专名 二、课文:《针灸》 三、词语用法举例：1、包括；2、为…所…;3、对于；4、通过；5、一定 四、注释：1、为…所…;2、对于；3、通过；4、对其他国家的医疗保健事业也做出了一定的贡献	4 tiết	- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Châm cứu. - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Châm cứu có tác dụng điều chỉnh như thế nào đối với các tổ chức cơ quan ở cơ thể người? Liệu pháp châm cứu có ảnh hưởng như thế nào ở Trung Quốc và trên thế giới? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan quá trình châm cứu. - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm cứu, tác dụng của châm cứu, sự ảnh hưởng của châm cứu đối với Trung Quốc và thế giới.	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……..	TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung
Nội dung 2: Điều trị bằng	**第二课：针刺疗法** **Bài 2: Điều trị bằng châm cứu**	4 tiết	- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Liệu pháp châm thích.	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy	TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê

châm cứu	一、生词：36个生词 二、课文：《针刺疗法》 三、词语用法举例： 1、适当；2、不断；3、根据；4、用来……；5、…..,再….. 四、注释：1、不断 2、根据；3、…..用来…… 五、练习		- Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: thế nào là liệu pháp châm thích? Liệu pháp châm thích có nguồn gốc từ đâu? Kim được dùng trong châm thích có mấy loại? Góc châm thích có mấy góc? Có mấy thủ pháp châm thích? Thế nào là "đắc khí"? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan liệu pháp châm thích. - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm thích, tác dụng của liệu pháp châm thích, chống chỉ định trong sử dụng liệu pháp châm thích.	chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……..	Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung
Nội dung 3: Xoa bóp	**第三课：推拿** **Bài 3: Xoa bóp** 一、生词：35个生词 二、课文:《推拿》 三、词语用法举例： 1、称；2、必须；3、既 …… 又（也）……；4、对……来说 四、注释：1、称；	4 tiết	- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Xoa bóp - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: xoa bóp là gì? Phương pháp xoa bóp là gì? Có mấy loại phương pháp xoa bóp thường dung? Tại sao xoa bóp có thể bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh? Xoa bóp thường được dùng để chữa những chứng bệnh gì? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi với bệnh nhân liên quan quá trình xoa bóp điều trị.	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……..	TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung

	2 、 既 …… 又（也）……； 3、对……来说 五、练习		- Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến liệu pháp châm thích, tác dụng của liệu pháp xoa bóp điều trị, chống chỉ định trong xoa bóp điều trị.		
Nội dung 4: Truyền thuyết cam thảo	**第四课：甘草的传说** **Bài 4: Truyền thuyết cam thảo** 一、生词：36个生词 二、课文:《甘草的传说》 三、词语用法举例： 1、偶然；2、照常; 3、临；4、甚至；5、等 四、注释：1、偶然；2、我丈夫临走的时候；3、等人们走了以后……；4、甚至；5、就同妻子是怎么一回事 五、练习	4 tiết	- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Trung dược - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: nguyên liệu chính của Trung dược là gì? Tính năng của một loại thảo dược là như thế nào? Tác dụng chữa bệnh của cây cam thảo? Chủ yếu chữa trị chứng bệnh là gì? - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Trung dược:	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……..	TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung
Nội dung 5: Nhân sâm	**第五课：人参** **Bài 5: Nhân sâm**	4 tiết	- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Trung dược	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy	TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê

	一、生词：34 个生词 二、课文:《人参》 三、词语用法举例： 1、愈….愈….；2、靠；3、远远；4、怕；5、促使 四、注释：1、愈….愈….；2、远远不能满足需要；3、促使 五、练习		- Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về đông dược, về vị thuốc liên quan, như: Nhâm sâm có mấy loại? Tác dụng chữa trị chủ yếu của nhân sâm là gì? Khí hư thông thường có chứng trạng gì? Nên ăn nhân sâm loại gì? Khí hư nghiêm trọng có chứng trạng gì? Nên ăn nhân sâm loại gì? Tại sao nhân sâm có thể bổ hư? - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Trung dược:	chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……..	Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung
Nội dung 6: Đặc điểm cơ bản của Trung y học	**第六课: 中医学的基本特点** **Bài 6: Đặc điểm cơ bản của Trung y học** 一、生词：37 个生词 二、课文:《中医学的基本特点》 三、词语用法举例： 1、与；2、又；3、所谓；4、一些列；5、反映 四、注释：1、与；2、……有着各自不同	4 tiết	- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Lý luận cơ bản Trung y. - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: đặc điểm cơ bản của Trung y? Tại sao lại nói cơ thể người là chỉnh thể hữu cơ? Mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên? Thế nào là "biện chứng"? Thế nào là "luận trị"? Sự khác nhau giữa "chứng" và "bệnh"?.... - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về đông dược, về thuật ngữ chuyên ngành y học cổ	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……..	TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung

	的功能；3、……但是自然界的运动变化又常常影响着人体；4、所谓 五、练习		truyền, chẩn đoán y học cổ truyền. - Học viên nắm được phần từ vựng liên quan đến thuật ngữ Lý luận cơ bản Trung y.		
Nội dung 7: Học thuyết âm dương	**第七课：阴阳学说** **Bài 7: Học thuyết âm dương** 一、生词：39个生词 二、课文：《阴阳学说》 三、词语用法举例：1、就……来说；2、之间；3、任何；4、尽管；5、在于 四、注释：1、就……来说；2、之间；3、尽管；4、在于 五、练习		- Học viên vận dụng, đặt câu được với các từ mới trong bài, thuật ngữ chuyên ngành về Học thuyết âm dương; - Học viên đọc, dịch được bài khóa và trả lời câu hỏi của giáo viên đặt ra cho bài khóa một cách thông thạo: Học thuyết âm dương giải thích như thế nào về các sự vật và hiện tượng trong thế giới tự nhiên; Các tổ chức bộ phận cơ quan ở cơ thể người được phân âm – dương như thế nào? Học thuyết âm dương giải thích hoạt động sinh lý của cơ thể người? Học thuyết âm dương giải thích như thế nào về phát sinh và biến đổi bệnh tật? Học thuyết âm dương dùng để chỉ đạo chẩn đoán và điều trị như thế nào? - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: nghe, hiểu và trao đổi về học thuyết âm dương, ứng dụng học thuyết âm dương vào điều trị bệnh;	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……..	TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung

Nội dung 8: Ôn tập	第八课：复习　三		- Học viên vận dụng, đặt câu với các hiện tượng ngữ pháp là câu phức liên hợp, câu phức chuyển triết, câu phức nguyên nhân – kết quả; - Học viên nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để: vận dụng các câu phức trong đọc hiểu, nghe, viết và nói; - Học viên nắm được phần ngữ pháp, từ vựng liên quan đến học thuyết Âm dương, học thuyết Ngũ hành, học thuyết tạng phủ và Khí, huyết, tân dịch.	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……..	TS. Nguyễn Chi Lê; TS. Đàm Tú Quỳnh; Ths. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Phương Dung

6. Học liệu

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] 王砚农、阎德早主编，*中医汉语（下）*，北京语言文化大学出版社，1999 年
[2] Bộ môn Ngoại ngữ biên soạn, *Bài giảng chuyên ngành Y học cổ truyền*, lưu hành nội bộ, năm 2019.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Yang Jizhou chủ biên, *Giáo trình Hán Ngữ (6 quyển)*, NXB Đại học ngôn ngữ văn hóa Bắc Kinh, năm 2002.Trần Thị Thanh Liêm biên dịch.

[2]. Fan Ying, Liu Ximing và Tian Shanji chủ biên, *Ngữ pháp (Grammar essential and pratice)*, NXB Đại học Ngôn ngữ và Văn hoá Bắc Kinh, năm 1997.

[3]. Li Dejin, Cheng Meizhen chủ biên, *Ngữ pháp Hán ngữ thực dụng dành cho người nước ngoài (A practical chinese grammar for foreigners)*, NXB Hoa ngữ giáo học, năm 1998.

[4]. Phan Văn Các chủ biên, *Từ điển Hán - Việt*, NXB TH TP Hồ Chí Minh, 2001.

[5]. 刘红英主编，新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级，北京语言文化出版社，2011 年.

[6]. 刘红英主编，新汉语水平考试模拟试题集 HSK 三级，北京语言文化出版社，2011 年.

7. Hình thức tổ chức dạy - học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học					Yêu cầu với học viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	TH	BT/ TL	Tổng		
第一课：针灸 **Bài 1: Châm cứu** 一、生词：35 个生词；3 个专名 二、课文:《针灸》 三、词语用法举例：1、包括；2、为…所…;3、对于；4、通过；5、一定 四、注释：1、为…所…；2、对于；3、通过；4、对其他国家的医疗保健事业也做出了一定的贡献	4	2	0.5	6.5	**10**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第三课：针刺疗法 **Bài 3: Điều trị bằng châm cứu** 一、生词：36 个生词	4	2	0.5	6.5	**10**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc

二、课文:《针刺疗法》 三、词语用法举例：1、适当；2、不断；3、根据；4、用来……；5、…..,再….. 四、注释：1、不断 2、根据；3、…..用来…… 五、练习						nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第七课：推拿 **Bài 7: Xoa bóp** 一、生词：35 个生词 二、课文:《推拿》 三、词语用法举例：1、称；2、必须；3、既……又（也）……；4、对……来说 四、注释：1、称；2、既……又（也）……；3、对……来说 五、练习	4	2	0.5	6.5	**10**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第八课：甘草的传说 **Bài 8: Truyền thuyết cam thảo** 一、生词：36 个生词 二、课文:《甘草的传说》 三、词语用法举例：1、偶然；2、照常；3、临；4、甚至；5、等 四、注释：1、偶然；2、我丈夫临走的时候；3、等人们走了以后……；4、甚至；5、就同妻子是怎么一回事 五、练习	4	2	0.5	6.5	**10**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第九课：人参 **Bài 9: Nhân sâm** 一、生词：34 个生词 二、课文:《人参》 三、词语用法举例：1、愈….愈….；2、	4	2	0.5	6.5	**10**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo

靠;3、远远；4、怕；5、促使 四、注释：1、愈....愈....；2、远远不能满足需要；3、促使 五、练习						trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第十二课: 中医学的基本特点 **Bài 12: Đặc điểm cơ bản của Trung y học** 一、生词：37 个生词 二、课文:《中医学的基本特点》 三、词语用法举例：1、与；2、又; 3、所谓；4、一些列；5、反映 四、注释：1、与；2、……有着各自不同的功能；3、……但是自然界的运动变化又常常影响着人体；4、所谓 五、练习	4	2	0.5	6.5	**10**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第十三课：阴阳学说 **Bài 13: Học thuyết âm dương** 一、生词：39 个生词 二、课文:《阴阳学说》 三、词语用法举例：1、就.....来说；2、之间;3、任何；4、尽管；5、在于 四、注释：1、就.....来说；2、之间；3、尽管；4、在于 五、练习	4	2	0.5	6.5	**10**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
第十八课：复习　三	4	2	0.5	6.5	**10**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham

						khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Dự lớp: Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm; Có thái độ nghiêm túc, hăng hái trong việc thực hành và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Điểm tổng kết học phần: là điểm thi kết thúc học phần, chiếm trọng số 100%.

Điểm đạt ở mức điểm 6 trở lên.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	Nguyễn Thị Lê

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Tiếng Anh chuyên ngành

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Nguyễn Thanh Hoa

Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bộ môn Ngoại ngữ - Phòng 1011, Tòa nhà A, HV YDHCTVN

Điện thoại: 0984328968 Email: thanhhoa.nguyen1609@gmail.com

- Thông tin về trợ giảng (*nếu có*) (*họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail*): Không
- Giảng viên tham gia giảng dạy:

STT	Họ và tên	Điện thoại	Email
1	Phạm Ngân Hà	0983894482	phamnganha2703@gmail.com
2	Phí Thị Việt Hà	0902222779	vietha79vatm@gmail.com
3	Nguyễn Thanh Hoa	0984328968	thanhhoa.nguyen1609@gmail.com
4	Nguyễn Vân Trang	0977670786	vantrang0609@gmail.com
5	Nguyễn Thị Thúy	0778489238	nguyenthithuyts.nguyen@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành

Tên tiếng Anh: English for Medical Purposes

2.2. Mã học phần:

2.3. Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): 03 (03LT/0TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: **Bác sĩ chuyên khoa I**

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: *(bắt buộc hay tự chọn) Bắt buộc*

2.6. Các học phần tiên quyết: Không

2.7. Các yêu cầu khác đối với học phần: Ngoại ngữ thi đầu vào là tiếng Anh, trình độ B1

2.8. Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30

+ Làm bài tập trên lớp: 20

+ Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: 25 tiết

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm 2-5 học viên

+ Tự học: 90

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

Học viên củng cố và phát triển được những kỹ năng sau:

- Về kiến thức

+ Học viên nắm được các thuật ngữ chuyên ngành trong các lĩnh vực như chẩn đoán, điều trị, giải quyết vấn đề, lên kế hoạch chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người bệnh.

+ Học viên nắm được và ôn tập một số kiến thức ngữ pháp, các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết được lồng ghép trong mỗi đơn vị bài học xây dựng trong môi trường chuyên nghành.

+ Học viên hiểu và có thể thiết lập các tình huống giao tiếp về chuyên môn bằng tiếng Anh.

+ Học viên được làm quen với việc đọc hiểu các bài viết chuyên ngành y ở mức độ trung cấp.

- Về kỹ năng

Học viên củng cố và phát triển được những kỹ năng sau:

Kỹ năng Nghe

+ Nghe lấy thông tin chi tiết; phát triển thêm kỹ năng nghe và ghi lại được thông tin chính (note-taking); nghe hiểu và nói lại được ý chính của một đoạn văn ngắn trong bản tin; nghe và tóm tắt bài khoá.

Kỹ năng Nói

+ Biết sử dụng từ ngữ và cấu trúc ngôn ngữ để khai thác và miêu tả triệu chứng bệnh, giải thích quy trình điều trị cho bệnh nhân, giải thích công dụng của thuốc điều trị cho bệnh nhân, chẩn đoán, điều trị, giải quyết vấn đề, lên kế hoạch chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người bệnh…

+ Hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề, biết cách thuyết trình trước lớp hoặc trước đám đông về các chủ đề học trong chương trình.

+ Nắm được các kỹ năng thuyết trình: bắt đầu và kết thúc một bài thuyết trình, cấu trúc một bài thuyết trình, chuyển ý giữa các phần trong bài thuyết trình, cách sử dụng các giáo cụ trực quan, sử dụng ngôn ngữ cử chỉ, chuẩn bị và trả lời các câu hỏi từ người nghe…

Kỹ năng Đọc

+ Đọc các bài khóa có liên quan đến chủ đề học trong chương trình: đọc và xác định ý chính trong bài; đọc và xác định các thông tin chi tiết; sử dụng thông tin trong ngữ cảnh để đoán nghĩa của từ, tóm tắt và tự đặt ra câu hỏi trong khi đọc…

+ Hiểu bài đọc và áp dụng thành thạo các kỹ năng đọc để giải quyết tốt các bài tập có liên quan đến nội dung bài đọc như: đọc và trả lời câu hỏi, điền thông tin còn thiếu vào đoạn văn, sắp xếp lại các sự kiện trong bài, tìm từ đồng nghĩa, đoán nghĩa của từ dựa vào văn cảnh v.v…

Kỹ năng Viết

+ Tiếp tục củng cố và nâng cao kỹ năng viết thư đã học ở môn học Tiếng Anh cơ bản, viết tóm tắt thông tin, viết tóm tắt một bài báo, viết bệnh án, viết email, miêu tả quy trình, viết đơn xin việc hoặc đơn xin tham dự khóa đào tạo...

Kỹ năng Dịch

+ Kỹ năng dịch ngược và dịch xuôi, đồng thời thực hành dịch các tài liệu chuyên ngành.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy logic.

+ Hình thành và phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học.

+ Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động học tập.

+ Hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng phục vụ cho việc học.

+ Hình thành kỹ năng trình bày, giải thích và tranh luận về một vấn đề trước các thành viên khác trong lớp.

+ Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm

+ Tự tin trong thảo luận và trình bày các yêu cầu của bài học.

+ Trung thực trong làm bài, không quay cóp, không sử dụng bài của người khác.

+ Có thái độ nghiêm túc, hăng hái trong việc thực hành và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ.

+ Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần *(viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).*

Nội dung 1: Making a diagnosis

- HV nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để
    - Có thể nghe, hiểu, trao đổi với bệnh nhân về vấn đề sức khỏe mà họ đang gặp phải cũng như tiền sử bệnh của họ; và với đồng nghiệp trong quá trình làm việc.
    - Có thể thảo luận với các đồng nghiệp khác tình trạng sức khỏe của bệnh nhân để từ đó hội chẩn bệnh và đưa ra kết luận.
- HV nắm được phần từ vựng liên quan đến
    - Tiền sử bệnh của bệnh nhân; chẩn đoán bệnh; dấu hiệu, triệu chứng bệnh, và các thành ngữ, câu hỏi hay dùng trong quá trình tác nghiệp;
    - Tiền tố, hậu tố để đoán nghĩa của thuật ngữ y học.
- HV nắm được và có thể sử dụng chính xác trong công việc và cuộc sống:
    - Cách đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học;
    - Phân biệt được sự khác nhau giữa câu hỏi mở và câu hỏi dẫn dắt;
    - Đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh.

Nội dung 2: Working under pressure

- HV nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để
    - Có thể nghe, hiểu, trao đổi với đồng nghiệp về những lời khuyên cho đồng nghiệp và cho bệnh nhân trong quá trình làm việc.
    - Có thể giao tiếp với bệnh nhân và người nhà của bệnh nhân để ghi lại được những thông tin về tình trạng sức khỏe hiện tại, tiền sử bệnh lý của bệnh nhân để từ đó đưa ra chẩn đoán, kết luận và hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân trong quá trình nhập viện, điều trị hoặc kết thúc việc điều trị.
    - Có thể nghe, hiểu, thực hiện các công việc qua việc giao tiếp với bệnh nhân và đồng nghiệp trên điện thoại.
- HV nắm được phần từ vựng liên quan đến
    - Tiền sử bệnh của bệnh nhân; chẩn đoán bệnh; dấu hiệu, triệu chứng bệnh, và các thành ngữ, câu hỏi hay dùng trong quá trình tác nghiệp.

- Quy trình thực hiện một cuộc tiểu phẫu/thủ thuật/phẫu thuật
- Các số liệu kỹ thuật trong một bảng xét nghiệm
- Tiền tố, hậu tố để đoán nghĩa của thuật ngữ y học

- HV nắm được và có thể sử dụng chính xác trong công việc và cuộc sống:
  - Cách đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học;
  - Phân biệt được sự khác nhau giữa câu hỏi mở và câu hỏi dẫn dắt
  - Đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh

Nội dung 3: Breaking bad news

- HV nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để
  - Có thể nghe, hiểu, trao đổi với đồng nghiệp về triệu chứng bệnh và các chẩn đoán về ca bệnh trong quá trình làm việc.
  - Có thể giao tiếp với bệnh nhân và người nhà của bệnh nhân để ghi lại được những thông tin về tình trạng bệnh, tiền sử bệnh lý, mức độ đau của bệnh nhân để từ đó đưa ra chẩn đoán, kết luận và hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân trong quá trình điều trị hoặc giới thiệu cho bệnh nhân đến tiếp tục điều trị ở một chuyên khoa khác.
  - Có thể thông báo về tình trạng bệnh của bệnh nhân với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân một cách thích hợp và lịch sự.
- HV nắm được phần từ vựng liên quan đến
  - Tiền sử bệnh của bệnh nhân; chẩn đoán bệnh; dấu hiệu, triệu chứng bệnh, và các thành ngữ, câu hỏi hay dùng trong quá trình tác nghiệp.
  - Các tính từ miêu tả mức độ và tính chất của đau.
  - Các thông tin về ca bệnh trong hồ sơ bệnh án.
- HV nắm được và có thể sử dụng chính xác trong công việc và cuộc sống:
  - Cách đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học;
  - Cách sử dụng ngữ điệu khi đặt câu hỏi và giao tiếp với bệnh nhân

Nội dung 4: Calling in the Stroke Team

- HV nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để:
  - Có thể nghe, hiểu, trao đổi với bệnh nhân về tình hình sức khỏe mà họ đang gặp phải cũng như tiền sử bệnh của họ; và với đồng nghiệp trong quá trình làm việc.
  - Có thể thảo luận với các đồng nghiệp khác và người nhà bênh nhân về tình trạng sức khỏe của bệnh nhân, có thể vận dụng linh hoạt các cách diễn đạt ngôn

ngữ thông dụng và trang trọng trong giao tiếp các vấn đề trên với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp của mình.

- Có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ để thực hiện các hoạt động như: phỏng vấn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, hướng dẫn bệnh nhân trong quá trình thăm khám, giải thích mục đích và quy trình điều trị, giải thích các nguy cơ và lợi ích của phương pháp điều trị, giải thích về một liệu trình phục hồi chức năng, hướng dẫn về liệu pháp vật lý cho bệnh nhân của mình.
- Có thể điền thông tin vào bệnh án, đồng thời hiểu được các thuật ngữ chuyên ngành viết tắt trong bệnh án, biết sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành và từ thông dụng trong hướng dẫn quy trình/liệu pháp điều trị.

- HV nắm được phần từ vựng liên quan đến:
  - Tiền sử bệnh của bệnh nhân; chẩn đoán bệnh; dấu hiệu, triệu chứng bệnh, và các thành ngữ, câu hỏi hay dùng trong quá trình tác nghiệp;
  - Các thuật ngữ viết tắt trong kết quả xét nghiệm, bệnh án
  - Các thuật ngữ về thiết bị chụp CT, ECG…
  - Các thuật ngữ chuyên ngành và từ thông dụng trong hướng dẫn quy trình/liệu pháp điều trị bệnh.
  - Tiền tố, hậu tố để đoán nghĩa của thuật ngữ y học.
- HV nắm được và có thể sử dụng chính xác trong công việc và cuộc sống:
  - Cách đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học;
  - Phân biệt được sự khác nhau giữa câu hỏi mở và câu hỏi dẫn dắt;
  - Đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh.

Nội dung 5: Refering a patient

- HV nắm được và có đủ kiến thức về mặt ngôn ngữ để:
  - Có thể nghe, hiểu, trao đổi với bệnh nhân về vấn đề sức khỏe mà họ đang gặp phải bằng các thuật ngữ không chuyên, cũng như có thể lấy và ghi nhận được thông tin về tiền sử các cơn đau của bệnh nhân.
  - Có thể thảo luận với các đồng nghiệp khác tình trạng sức khỏe của bệnh nhân bằng các thuật ngữ chuyên ngành để từ đó có hướng luân chuyển bệnh nhân đến khoa, phòng khác và đưa ra hướng điều trị.
  - Có thể đưa ra những hướng dẫn sau hậu phẫu cho bệnh nhân.
  - Có thể mô tả được một phác đồ điều trị

- HV nắm được phần từ vựng liên quan đến

- Tiền sử các cơn đau của bệnh nhân; các cụm từ hoặc từ về các vấn đề liên quan đến ung thư vòm họng, răng miệng, các thành ngữ, câu hỏi hay dùng trong quá trình tác nghiệp.
- Các phó từ, liên từ dùng trong mô tả một quá trình gây bệnh.
- Các thuật ngữ chuyên ngành và không chuyên ngành dùng khi trao đổi giữa bác sĩ với bác sĩ và giữa bác sĩ với bệnh nhân.

- HV nắm được và có thể sử dụng chính xác trong công việc và cuộc sống:

- Cách đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học.
- Cách truyền tải tin xấu đến bệnh nhân theo hướng giảm nhẹ.
- Thông tin trong một bản xét nghiệm thể chất của bệnh nhân, trong một bức thư gửi cho đồng nghiệp để trao đổi về tình trạng bệnh và hướng luân chuyển bệnh nhân.
- Đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Học phần Tiếng Anh chuyên ngành (TACN) được xây dựng với 5 nội dung lớn bao gồm 30 đơn vị bài học nhỏ. Các bài giảng nhằm cung cấp những kiến thức tiếng Anh trong lĩnh vực y học như một phương tiện giúp học viên tiếp cận, truy cập và nghiên cứu những sách báo, tài liệu chuyên ngành y bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh như một phương tiện giao tiếp trong chuyên ngành của mình. Trong từng đơn vị bài học có những phần chính gồm 4 kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết, dịch thuật, từ vựng và ngữ pháp, các bài tập thực hành…

- Mục đích của học phần TACN là trang bị cho học viên ngôn ngữ và kỹ năng sống mà họ cần để thực hiện mục tiêu nghề nghiệp của họ, đồng thời cung cấp nhiều cơ hội cho học viên xây dựng nhận thức và thực hành ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Phương pháp tiếp cận kỹ năng tích hợp của học phần TACN này giúp phát triển sự tự tin của học viên để tồn tại và thành công trong các cuộc gặp gỡ chuyên nghiệp và xã hội trong một cộng đồng toàn cầu nói tiếng Anh. Học phần TACN cung cấp các cơ hội cho học viên chuẩn bị cho sự nghiệp tương lai của họ bằng cách thực hành các kỹ năng tiếng Anh trong các tình huống liên quan đến công việc mà họ đang và sẽ thực hiện. Các kỹ năng và ngôn ngữ sử dụng trong các tình huống cụ thể bao gồm: Chẩn đoán bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân khi khai thác bệnh sử, viết tiền sử bệnh cách đặt câu hỏi mở, cách trình bày trường hợp, giải thích các xét nghiệm và quy trình y tế cho bệnh nhân, điều trị cho bệnh nhân, đưa ra lời khuyên, giải thích

trường hợp bệnh cho người thân, giải thích nguyên nhân và phương pháp điều trị, hướng dẫn xuất viện và trấn an người bệnh & người nhà bệnh nhân, xử lý bệnh nhân nguy kịch, mô tả và xác định nguyên nhân gây đau, nhận biết và áp dụng ngữ điệu hỗ trợ, thông báo tin xấu, hỗ trợ phục hồi và chăm sóc dài hạn, giao tiếp với người nhà bệnh nhân, giải thích kết quả xét nghiệm cho bệnh nhân và thân nhân, giải thích các điều kiện chăm sóc dài hạn và đưa ra hướng dẫn về vật lý trị liệu, giới thiệu bệnh nhân chuyển viện, đưa ra lời khuyên sau phẫu thuật…

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Nội dung 1: Making a diagnosis	Lesson 1: So, what can I do for you Lesson 2: When did the problem begin Lesson 3: I'd like to examine you Lesson 4: What's the diagnosis Lesson 5: Let me explain your diet Lesson 6: To put it more simple Team Project 1	… tiết	1. Kiến thức về mặt ngôn ngữ để: - có thể nghe, hiểu, trao đổi với bệnh nhân về vấn đề sức khỏe mà họ đang gặp phải cũng như tiền sử bệnh của họ; và với đồng nghiệp trong quá trình làm việc. - có thể thảo luận với các đồng nghiệp khác tình trạng sức khỏe của bệnh nhân để từ đó hội chẩn bệnh và đưa ra kết luận. 2. Từ vựng liên quan đến: - tiền sử bệnh của bệnh nhân; chẩn đoán bệnh; dấu hiệu, triệu chứng bệnh, và các thành ngữ, câu hỏi hay dùng trong quá trình tác nghiệp; - tiền tố, hậu tố để đoán nghĩa của thuật ngữ y học. 3. Có thể sử dụng chính xác trong công việc và cuộc sống: - cách đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học; - phân biệt được sự khác nhau giữa câu hỏi mở và câu hỏi dẫn dắt;	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……..	TS. Việt Hà ThS. Lan Anh ThS. Thanh Hoa ThS. Ngân Hà ThS. Vân Trang ThS. Nguyễn Thúy

			- đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh.		
Nội dung 2: Working under pressure	Lesson 1: If you are not sure, ask Lesson 2: He'll be fine, Mr Slenkovich Lesson 3: Has he ever fainted before Lesson 4: I'd like to ask you a few questions Lesson 5: We need to take a sample Lesson 6: Can I explain the procedure Team Project 2	… tiết	1. Kiến thức về mặt ngôn ngữ để - Có thể nghe, hiểu, trao đổi với đồng nghiệp về những lời khuyên cho đồng nghiệp và cho bệnh nhân trong quá trình làm việc. - Có thể giao tiếp với bệnh nhân và người nhà của bệnh nhân để ghi lại được những thông tin về tình trạng sức khỏe hiện tại, tiền sử bệnh lý của bệnh nhân để từ đó đưa ra chẩn đoán, kết luận và hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân trong quá trình nhập viện, điều trị hoặc kết thúc việc điều trị. - Có thể nghe, hiểu, thực hiện các công việc qua việc giao tiếp với bệnh nhân và đồng nghiệp trên điện thoại. 2. Từ vựng liên quan đến - Tiền sử bệnh của bệnh nhân; chẩn đoán bệnh; dấu hiệu, triệu chứng bệnh, và các thành ngữ, câu hỏi hay dùng trong quá trình tác nghiệp. - Quy trình thực hiện một cuộc tiểu phẫu/thủ thuật/phẫu thuật - Các số liệu kỹ thuật trong một bảng xét nghiệm - Tiền tố, hậu tố để đoán nghĩa của thuật ngữ y học 3. Có thể sử dụng chính xác trong công việc và	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……	TS. Việt Hà ThS. Lan Anh ThS. Thanh Hoa ThS. Ngân Hà ThS. Vân Trang ThS. Nguyễn Thúy

			cuộc sống: - Cách đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học; - Phân biệt được sự khác nhau giữa câu hỏi mở và câu hỏi dẫn dắt - Đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh		
Nội dung 3: Breaking bad news	Lesson 1: Can you describle the pain Lesson 2: It's how you say it Lesson 3: It's getting you down, isn't it Lesson 4: We need a psychiatric evaluation Lesson 5: It might be multiple sclerosis Lesson 6: I'm afraid to say that… Team Project 3	… tiết	1. Kiến thức về mặt ngôn ngữ để - Có thể nghe, hiểu, trao đổi với đồng nghiệp về triệu chứng bệnh và các chẩn đoán về ca bệnh trong quá trình làm việc. - Có thể giao tiếp với bệnh nhân và người nhà của bệnh nhân để ghi lại được những thông tin về tình trạng bệnh, tiền sử bệnh lý, mức độ đau của bệnh nhân để từ đó đưa ra chẩn đoán, kết luận và hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân trong quá trình điều trị hoặc giới thiệu cho bệnh nhân đến tiếp tục điều trị ở một chuyên khoa khác. - Có thể thông báo về tình trạng bệnh của bệnh nhân với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân một cách thích hợp và lịch sự. 2. Từ vựng liên quan đến - Tiền sử bệnh của bệnh nhân; chẩn đoán bệnh; dấu hiệu, triệu chứng bệnh, và các thành ngữ, câu hỏi hay dùng trong quá trình tác nghiệp.	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……	TS. Việt Hà ThS. Lan Anh ThS. Thanh Hoa ThS. Ngân Hà ThS. Vân Trang ThS. Nguyễn Thúy

			- Các tính từ miêu tả mức độ và tính chất của đau. - Các thông tin về ca bệnh trong hồ sơ bệnh án. 3. Có thể sử dụng chính xác trong công việc và cuộc sống: - Cách đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học; - Cách sử dụng ngữ điệu khi đặt câu hỏi và giao tiếp với bệnh nhân		
Nội dung 4: Calling in the Stroke Team	Lesson 1: She can hardly speak Lesson 2: How many fingers can you see Lesson 3: We need to run a few more tests Lesson 4: What medication would you prescribe Lesson 5: Let's decide your rehabilitation plain Lesson 6: I'm going to teach you some exercises Team Project 4	… tiết	1. Kiến thức về mặt ngôn ngữ để: - Có thể nghe, hiểu, trao đổi với bệnh nhân về tình hình sức khỏe mà họ đang gặp phải cũng như tiền sử bệnh của họ; và với đồng nghiệp trong quá trình làm việc. - Có thể thảo luận với các đồng nghiệp khác và người nhà bệnh nhân về tình trạng sức khỏe của bệnh nhân, có thể vận dụng linh hoạt các cách diễn đạt ngôn ngữ thông dụng và trang trọng trong giao tiếp các vấn đề trên với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp của mình. - Có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ để thực hiện các hoạt động như: phỏng vấn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, hướng dẫn bệnh nhân trong quá trình thăm khám, giải thích mục đích và quy trình điều trị, giải thích các nguy cơ và lợi ích của phương	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……	TS. Việt Hà ThS. Lan Anh ThS. Thanh Hoa ThS. Ngân Hà ThS. Vân Trang ThS. Nguyễn Thúy

			pháp điều trị, giải thích về một liệu trình phục hồi chức năng, hướng dẫn về liệu pháp vật lý cho bệnh nhân của mình. - Có thể điền thông tin vào bệnh án, đồng thời hiểu được các thuật ngữ chuyên ngành viết tắt trong bệnh án, biết sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành và từ thông dụng trong hướng dẫn quy trình/liệu pháp điều trị. 2. Từ vựng liên quan đến: - Tiền sử bệnh của bệnh nhân; chẩn đoán bệnh; dấu hiệu, triệu chứng bệnh, và các thành ngữ, câu hỏi hay dùng trong quá trình tác nghiệp; - Các thuật ngữ viết tắt trong kết quả xét nghiệm, bệnh án - Các thuật ngữ về thiết bị chụp CT, ECG… - Các thuật ngữ chuyên ngành và từ thông dụng trong hướng dẫn quy trình/liệu pháp điều trị bệnh. - Tiền tố, hậu tố để đoán nghĩa của thuật ngữ y học. 3. Có thể sử dụng chính xác trong công việc và cuộc sống: - Cách đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học; - Phân biệt được sự khác nhau giữa câu hỏi mở và câu hỏi dẫn dắt;		

			- Đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh.		
Nội dung 5: Refering a patient	Lesson 1: I can't put up with the pain Lesson 2: Thank you for refering the patient Lesson 3: Let's examine your mouth Lesson 4: Follow the postoperative advice Lesson 5: Your test results are back Lesson 6: You are very lucky Team Project 5	… tiết	1. Kiến thức về mặt ngôn ngữ để: - Có thể nghe, hiểu, trao đổi với bệnh nhân về vấn đề sức khỏe mà họ đang gặp phải bằng các thuật ngữ không chuyên, cũng như có thể lấy và ghi nhận được thông tin về tiền sử các cơn đau của bệnh nhân. - Có thể thảo luận với các đồng nghiệp khác tình trạng sức khỏe của bệnh nhân bằng các thuật ngữ chuyên ngành để từ đó có hướng luân chuyển bệnh nhân đến khoa, phòng khác và đưa ra hướng điều trị. - Có thể đưa ra những hướng dẫn sau hậu phẫu cho bệnh nhân. - Có thể mô tả được một phác đồ điều trị 2. Từ vựng liên quan đến - Tiền sử các cơn đau của bệnh nhân; các cụm từ hoặc từ về các vấn đề liên quan đến ung thư vòm họng, răng miệng, các thành ngữ, câu hỏi hay dùng trong quá trình tác nghiệp. - Các phó từ, liên từ dùng trong mô tả một quá trình gây bệnh. - Các thuật ngữ chuyên ngành và không chuyên	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học - dạy, thảo luận ……	TS. Việt Hà ThS. Lan Anh ThS. Thanh Hoa ThS. Ngân Hà ThS. Vân Trang ThS. Nguyễn Thúy

			ngành dùng khi trao đổi giữa bác sĩ với bác sĩ và giữa bác sĩ với bệnh nhân. 3. Có thể sử dụng chính xác trong công việc và cuộc sống: - Cách đặt các câu hỏi liên quan đến chủ đề bài học. - Cách truyền tải tin xấu đến bệnh nhân theo hướng giảm nhẹ. - Thông tin trong một bản xét nghiệm thể chất của bệnh nhân, trong một bức thư gửi cho đồng nghiệp để trao đổi về tình trạng bệnh và hướng luân chuyển bệnh nhân. - Đoán nghĩa của từ theo ngữ cảnh.		

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

1. Martin Milner (2006). *English for Health Sciences: Professional English.* Thomson Press

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Eric H. Glendinning, Ron Howard (2009). Professional English in use – Medicine. NXB Đồng Nai.

2. Sam McCarter. *Medicine 1 (Student's Book) - Essencial skills for doctor-patient communication.* Oxford University

3. Steve Hart (2015). *Writing in English for the Medical Sciences: A Practical Guide.* CRC Press.

4. Phạm Ngọc Trí (2008). *Từ Điển Y Học Anh Việt.* NXB Y Học.

5. Vương Thị Thu Minh (2012). *Tiếng Anh chuyên ngành.* NXB Giáo dục Việt Nam.

Và các websites chuyên ngành.

7. Hình thức tổ chức dạy - học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy và học					Yêu cầu với học viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (giờ)	
	LT	TH	BT/ TL	Tổng		
Nội dung 1: Making a diagnosis Lesson 1: So, what can I do for you Lesson 2: When did the problem begin Lesson 3: I'd like to examine you Lesson 4: What's the diagnosis Lesson 5: Let me explain your diet Lesson 6: To put it more simple Team Project 1	6	5	4	15	**15**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 2: Working under pressure Lesson 1: If you are not sure, ask Lesson 2: He'll be fine, Mr Slenkovich Lesson 3: Has he ever fainted before Lesson 4: I'd like to ask you a few questions Lesson 5: We need to take a sample	6	5	4	15	**15**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo

Lesson 6: Can I explain the procedure Team Project 2						để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 3: Breaking bad news Lesson 1: Can you describle the pain Lesson 2: It's how you say it Lesson 3: It's getting you down, isn't it Lesson 4: We need a psychiatric evaluation Lesson 5: It might be multiple sclerosis Lesson 6: I'm afraid to say that… Team Project 3	6	5	4	15	**15**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 4: Calling in the Stroke Team Lesson 1: She can hardly speak Lesson 2: How many fingers can you see Lesson 3: We need to run a few more tests Lesson 4: What medication would you prescribe Lesson 5: Let's decide your rehabilitation plain Lesson 6: I'm going to teach you some exercises Team Project 4	6	5	4	15	**15**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
Nội dung 5: Refering a patient Lesson 1: I can't put up with the pain Lesson 2: Thank you for refering the patient Lesson 3: Let's examine your mouth Lesson 4: Follow the postoperative advice Lesson 5: Your test results are back Lesson 6: You are very lucky Team Project 5	6	5	4	15	**15**	- Nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. - Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Dự lớp: Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm; Có thái độ nghiêm túc, hăng hái trong việc thực hành và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên; Hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành nhằm hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Điểm tổng kết học phần: là điểm thi kết thúc học phần, chiếm trọng số 100%.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	Nguyễn Chu Lê

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
TIN HỌC ỨNG DỤNG (PHẦN LÝ THUYẾT)

3

Đối tượng đào tạo: ……., Mã số đào tạo: ……

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Tin học ứng dụng

* Tiếng Anh: Applied Informatics

- Mã học phần/ mô đun: HVTH
- Số tín chỉ: 02TC(0.5LT/1.5TH)
- Đối tượng học: năm thứ nhất, Chuyên khoa I
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Tin học đại cương và ứng dụng
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: ..... tiết
  + Lý thuyết: 7.5 tiết
  + Thực hành: 40 tiết
  + Bài tập: .... tiết
  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 05 tiết
  + Kiểm tra: ... tiết
  + Thời gian tự học: .... giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Toán – Tin học.

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	ThS.Nguyễn Văn Tuyết	0989125443	nguyenvantuyetdt@gmail.com
2.	ThS.Bùi Thi Lan Anh	0986560899	lanem79vatm@gmail.com
3.	ThS.Hoàng Thị Thu Hằng	0966346054	hoangthuhang2183@yahoo.com
4.	ThS.Nguyễn Thị Ngọc Tú	0968250986	nguyentukhaothi@gmail.com
5.	ThS.Nguyễn Thị Tuyết Trinh	0972520152	Trinhnt83@gmail.com
6.	ThS.Nguyễn Minh Hiển	0918356602	hienloveu2101@gmail.com
7.	ThS.Nguyễn Văn Đức	0976925034	nguyenducvatm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
1	**Kiến thức:** - Hiểu được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, Tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point nâng cao.	CĐR4	3
2	**Kỹ năng :** - Khai thác, chia sẻ trên hệ thống mạng LAN và Internet (nâng cao). - Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến tuyến trên Google, các Wedside uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate, google form…….) - Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ…), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.	CĐR4, CĐR11, CĐR15	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	Mức độ [4] *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
33	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm :** - Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.	CĐR16,17	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Hiểu được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point nâng cao.	CĐR1: Vận dụng được các kiến thức nâng cao về mạng LAN, Internet, tìm kiếm thông tin, chương trình Power Point để phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học, luận văn.
Kỹ năng	
MT2: Khai thác, chia sẻ trên hệ thống mạng LAN và Internet (nâng cao).	CĐR2: Thực hiện được các thao tác kiểm tra, chia sẻ, tìm kiếm trên hệ hệ thống mạng Lan và internet.
MT3: Tìm kiếm thông tin y tế trực tuyến tuyến trên Google, các Wedside uy tín của Việt Nam và nước ngoài, khai thác 1 số tính năng chuyên sâu của Google (Google drive, google translate, google form…….)	CĐR3: Tìm kiếm được tài liệu tham khảo chuyên sâu về lĩnh vực chuyên ngành Y để chèn tài liệu tham khảo vào đề tài.
MT4: Sử dụng chương trình Power Point nâng cao để tạo slide, chèn (hình ảnh, video, biểu đồ, sơ đồ…), tạo hiệu ứng, trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.	CĐR4: Vận dụng thành thạo chương trình PowerPoint nâng cao để làm Slide trình chiếu, thuyết minh vào đề tài, luận văn.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	

MT5: Vận dụng được công nghệ thông tin vào quá trình học tập, công tác, nghiên cứu khoa học cuộc sống.	CĐR5: Có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của công nghệ thông tin từ đó có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun.

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	**Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun**				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
1. Hệ thống mạng Lan & internet	2	3	2		2
2. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	2		3		2
3. Chương trình Powpoint nâng cao	2			3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng về Tin học ứng dụng trong thực hành nghề nghiệp: học phần sẽ cung cấp các kiến thức, kỹ năng về các cách tìm kiếm tài liệu tham khảo về y học trên Google, Opacs nhanh chóng, hiệu quả, chính xác, tin cậy; Tìm kiếm trên các Website nổi tiếng, uy tín, chuyên sâu về ngành y của Việt Nam và thế giới; Khai thác một số tính năng hữu ích của Google Drive, trong đó có Google form để tạo ra bộ câu hỏi sử dụng cho nghiên cứu khoa học; Sử dụng phần mềm Power Point nâng cao để tạo ra các slide sinh động giúp cho việc trình chiếu, thuyết minh đề tài, luận văn.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy-học**					**Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp**
	GIỜ LÊN LỚP			**Thực tập**	**Tự học**	
	Lý thuyết	**Bài tập**	**Thảo luận**			
I. Hệ thống mạng lan & internet	**1.5 tiết**			**10 tiết**		
1. Hệ thống mạng Lan - Kiểm tra địa chỉ Ip và tên máy - Chia sẻ thư mục - Chia sẻ máy in trên mạng Lan - Ngắt chia sẻ thư mục và máy in	1			5		*Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học, trang3-29. Bài tập tự lượng*
2. Hệ thống mạng Internet	1			5		

- Thư điện tử - Tìm kiếm thông tin trên google - Tìm kiếm trên Book Google - Một số ứng dụng văn phòng trên Internet						*giá: bài tập 1,2 trang 29,30.*
II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	**2 tiết**			**15 tiết**		
1. Các loại OPACs.				4		*Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học, trang 31-40.* *Bài tập tự lượng giá: trang 40.*
2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	0.5			4		
3. Thông tin y học trực tuyến - Tìm kiếm các bài báo y dược học toàn văn miễn phí qua HINARI - Y học dựa trên bằng chứng vidence-base Medicine - EBM) - Thông tin về bệnh tật - Giới thiệu một số website về sinh sản, SKBMTE, dinh dưỡng	1			4		
4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	0.5			3		
III. Chương trình microsoft powerpoint 2016	**5 tiết**			**`20 tiết**		
1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản - Màn hình khởi động - Lựa chọn Slide Size cho Precentation - Sử dụng thanh công cụ truy cập nhanh - Sử dụng hiển thị tùy chọn Ribbon	1			**4**		*Đọc quyển giáo trình Tin học ứng dụng trong thống kê y học, trang 41-61.* Chuẩn bị trước các bài báo cáo. Slide theo nhóm 5 học viên. Báo cáo, đặt câu hỏi phản biện, trình bày cách làm, ý tưởng mới. *Bài tập tự lượng giá: trang 61*

2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio - Thêm hoặc xóa Slide trong Precentation - Chèn và chỉnh sửa hình ảnh - Chèn Video, audio	1			4		
3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1			4		
4. Sử dụng hình vẽ						
5. Sử dụng Slide Master						
6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide - Hiệu ứng chuyển Slide - Hiệu ứng cho các đối tượng trong Slide	2			4		
7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger				4		
8. Sử dụng Note trong trình chiếu						
9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint						
10. Lưu văn bản và in văn bản						
Tổng số	**7.5tiết**			**45 tiết**		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập (Tài liệu chính và tài liệu tham khảo có trong danh mục sách của thư viện, TL lưu hành nội bộ của bộ môn)

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ môn Tin học (2019). *Giáo trình Tin học cho học viên CK1*. Học viện Y – dược học cổ truyền VN

8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. *Giáo trình IC3 GS4 CCI Learning*(2014), NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Joan Lambert(2016), *Microsoft PowerPoint 2016 Step by Step*, Microsoft Press.

[3]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Cuộc sống Trực tuyến*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

[4]. Tổ chức giáo dục IIG, *Giáo trình IC3 – Các ứng dụng chủ chốt*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh(2014).

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)	Sinh viên tự học, tự nghiên

							cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Buổi 1	**I. Hệ thống mạng lan & internet**	**1.5 tiết**					3
	1. Hệ thống mạng Lan	1					
	2. Hệ thống mạng Internet	1					
	II. Tìm kiếm và sử dụng thông tin	**2 tiết**					4
	1. Các loại OPACs.						
	2. Tìm kiếm bài báo toàn văn miễn phí	0.5					
	3. Thông tin y học trực tuyến	1					
	4. Thông tin trực tuyến về các khu vực và quốc gia	0.5					
	IV. Chương trình microsoft powerpoint 2016	**5 tiết**					10
Buổi 2	1. Giới thiệu và những thiết lập cơ bản	1					
	2. Thêm Slide mới, chèn hình ảnh, video, audio	1					
	3. Chèn Text, công thức toán và các ký tự đặc biệt	1					
	4. Sử dụng hình vẽ						
	5. Sử dụng Slide Master						
	6. Hiệu ứng chuyển Slide, hiệu ứng các đối tượng trong Slide	1					
	7. Thiết lập liên kết và sử dụng Trigger	1					
	8. Sử dụng Note trong trình chiếu						
	9. Một số thao tác trình chiếu PowerPoint						
	10. Lưu văn bản và in văn bản						
	Tổng số	**7.5tiết**					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ ☐ Học dựa trên vấn đề ☐

Hoạt động nhóm [x] Đóng vai ☐ Học dựa vào dự án ☐ Mô phỏng ☐

Nghiên cứu tình huống ☐ Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập [x]

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Cơ sở vật chất: phải cần có phòng thực hành được trang bị máy chiếu, máy tính cấu hình phù hợp để chạy bộ Office 1016, phần mềm Entnote hoạt động ổn định và phải được kết nối mạng Internet.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Thực hiện nội qui đã được phổ biến và dán trong phòng thực tập Tin học.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Bài tập: chuẩn bị tất cả các bài tập thực hành theo yêu cầu của giảng viên.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên
- Thực hiện 01 bài thi kết thúc học phần thực hành.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: các buổi thực hành tại phòng thực tập Tin học phải đạt 80% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	Thực hành trên máy tính	100%	Điểm đạt từ 4/10 trở	CĐR1 đến CĐR5

			lên	

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm tổng kết học phần: điểm lý thuyết * 30% + điểm thực hành 70%

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**PT. BỘ MÔN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	Đào Công Huy	Nguyễn Văn Tuyết

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
TÁC PHẨM KINH ĐIỂN

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I Y học cổ truyền
Mã số đào tạo: .....
Năm thứ: .....

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học: Tác phẩm kinh điển *(Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược, Ôn bệnh)*

* Tiếng Việt:

- Mã Học phần/ Môn học
- Số tín chỉ: 4
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I Y học cổ truyền
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

<table>
<tr><td colspan="4">Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □</td></tr>
<tr><td colspan="2">Kiến thức cơ sở ngành
X</td><td colspan="2">Kiến thức ngành
□</td><td rowspan="2">Thực tập và luận văn
□</td></tr>
<tr><td>Bắt buộc
X</td><td>Tự chọn
□</td><td>Bắt buộc
□</td><td>Tự chọn
□</td></tr>
</table>

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động (lên lớp/thực hành/tự học): 4 tín chỉ

2. Mục tiêu của Học phần/ Môn học

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu sau:

- Về kiến thức: sau khi học xong môn Tác Phẩm Kinh điển học viên có khả năng:

Nắm được thân thế, sự nghiệp của các y gia nổi tiếng trong tứ đại kinh điển và những tác phẩm kinh điển của các y gia.

Nâng cao trình độ nhận thức về quá trình lịch sử phát triển và lí luận cơ bản của Y học cổ truyền thông qua các tác phẩm trong Tứ đại kinh điển

- Về kỹ năng:

Biết sử dụng kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, phát triển các kiến thức kinh điển, bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của Y học cổ truyền

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Học viên ý thức được trách nhiệm và nhiệm vụ nghề nghiệp là chăm sóc bảo về và nâng cao sức khỏe nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh.

Tiếp thu cơ sở lí luận cho việc nghiên cứu và thực hành lâm sàng

Nghiêm túc, trung thực, khách quan, có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ

*** Ma trận mục tiêu học phần/môn học với Chuẩn đầu ra của CTĐT**

Tác phẩm	Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
Nội kinh	MT 1	Quá trình hình thành và phát triển của sách "nội kinh".	
	MT2	Nắm được đại cương phần Dưỡng sinh của sách Nội kinh, hiểu rõ tư tưởng của các kinh văn trong phần này	
	MT3	Hiểu được nội dung của Học thuyết Âm – Dương trong nội kinh, đặc điểm phương pháp luận của các kinh văn.	
	MT 4	Nắm vững hàm nghĩa nội dung học thuyết Ngũ hành trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 5	Nắm vững đại cương học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 6	Thuộc được đại cương 12 đường kinh của học thuyết Kinh lạc trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 7	Nắm vững học thuyết Tạng tượng trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 8	Nắm vững đại cương Chẩn pháp trong Nội kinh, hiểu được hàm nghĩa của các kinh văn	
	MT 9	Nắm vững đại cương Ngũ vận Lục khí trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
	MT 10	Nắm vững đại cương Phép tắc trị liệu trong Nội kinh, hiểu và phân tích các kinh văn	
Thương hàn luận	MT 1	nắm được đại cương về Thương hàn luận	
	MT2	Nắm vững triệu chững của kinh Thái dương và phương pháp điều trị	
	MT3	Nắm vững triệu chững của kinh Thiếu dương và phương pháp điều trị	
	MT 4	Nắm vững triệu chững của kinh Dương minh và phương pháp điều trị	
	MT 5	Nắm vững triệu chững của kinh Thái âm và phương pháp điều trị	
	MT 6	Nắm vững triệu chững của kinh Thiếu âm và phương pháp điều trị	
	MT 7	Nắm vững triệu chững của kinh Quyết âm và phương pháp điều trị	
	MT1	Hiểu được hàm nghĩa tên sách, tác giả, tính chất và sự hình thành "Kim quỹ yếu lược".	

Kim quỹ yếu lược	**MT 2**	Nắm vững Nguyên tắc điều trị biểu lý đồng bệnh trong kinh văn *"Hỏi: Có bệnh cấp phải cứu lý ngay, có bệnh phải cứu biểu ngay, là lẽ vì sao?* *Thầy đáp: Bệnh, mà sau khi thầy thuốc cho hạ lại tiếp tục ỉa chảy phân sống không ngừng, toàn thân đau mỏi thì phải cứu lý ngay; nếu sau khi cho hạ mà toàn thân đau nhức, đại tiện tự điều hòa trở lại, thì phải cứu biểu."*	
	MT 3	Nắm vững Nguyên tắc điều trị cũ mới đồng bệnh trong kinh văn*: "Người bệnh vốn có bệnh lâu ngày mạn tính khó chữa, lại đột nhiên mắc thêm bệnh khác, điều trị thích hợp là điều trị bệnh mới mắc trước, điều trị bệnh cũ mạn tính sau."*	
	MT 4	Hiểu được Chứng trị của bệnh lịch tiết thể phong thấp lịch tiết trong kinh văn: *"Tứ chi xương khớp đau nhức, cơ thể suy nhược gầy yếu các các khớp sưng to, các khớp xương ở chân sưng to biến dạng đột ngột, chóng mặt đoản khí, nôn nao buồn nôn, dùng bài quế chi thược dược tri mẫu thang chủ trị."*	
	MT 5	So sánh quế chi thược dược tri mẫu thang chứng với ô đầu thang chứng	
	MT 6	Nắm vững Nguyên nhân hình thành, mạch chứng và chẩn doán phân biệt phế nuy trong kinh văn: *"Hỏi: Nhiệt tại thượng tiêu, nhân ho gây thành phế nuy. Bệnh phế nuy, hình thành như thế nào? Thầy đáp: Hoặc do mồ hôi ra mà bị, hoặc do nôn mửa, hoặc do tiêu khát, tiểu tiện nhiều lần, hoặc do đại tiện khó, lại bị hạ lợi quá nhiều, tân dịch vong thất nhiều (mất tân dịch nhiều), mà sinh thành phế nuy. Hỏi: Thốn khẩu mạch sác, người bệnh ho, khạc nhổ nước dãi, có bọt đục, là lẽ vì sao? Thầy đáp: Đó là bệnh phế nuy, nếu trong miệng khô táo, đau âm ỉ trong ngực khi ho, mạch lại hoạt sác, đó là bệnh phế ung, ho, khạc ra máu mủ. Mạch sác hư, là phế nuy, ác thực là phế ung."*	
	MT 7	Nắm vững Bệnh nguyên bệnh cơ, mạch chứng và dự hậu của phế ung trong kinh văn*: "Bệnh khái nghịch, bắt mạch, tại sao có thể biết được đây là bệnh phế ung? Bệnh phế ung có máu mủ, nôn ra máu mủ ắt chết, mạch lúc này thế nào? Thầy đáp: Mạch thốn khẩu vi mà mạch sác, vi là do phong, sác là do nhiệt; vi ắt ra mồ hôi (phong trực trúng vào vệ khí, biểu mất kiên cố tấu lý sơ hở thì mồ hôi chảy không ngừng), sác ắt sợ lạnh. Phong trực trúng vào vệ khí, thì thở ra được nhưng không hít vào được (khó thở vào); nhiệt nhập quá độ ở dinh khí, thì hít vào được nhưng không thở ra được (khó thở ra). Phong làm tổng thương bì mao, nhiệt làm tổn thương huyết mạch. Phong nhập vào phế, ắt gây ho, miệng khô suyễn mãn (khó thở tức ngực), họng khô mà không khát, đôi khi đờm dãi đục có bọt khí, đôi khi sợ lạnh rét run. Sau cơn cơn sốt, huyết bị ngưng trệ, tích kết thành bọc mủ, nôn ra đờm mủ đặc như cháo. Bệnh mới mắc giai đoạn đầu thì có thể chữa được, để thành mủ thì chết!"*	
	MT8	Hiểu rõ Thể bệnh và bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: *"Bệnh hung tý, khó thở ho khạc đờm dãi, ngực lưng đau, khí đoản, mạch thốn khẩu trầm mà trì,*	

		mạch bộ quan thượng tiểu khẩn sác, phương dùng qua lâu giới bạch bạch tửu thang chủ trị."	
	MT9	Nắm vững Nguyên tắc điều trị, ý nghĩa, nguyên lí điều trị đàm ẩm trong kinh văn: *"Bệnh đàm ẩm, phải dùng ôn dược để hòa"*	
	MT10	Hiểu rõ Thể bệnh và Tính chất bệnh, bệnh cơ, chứng trạng, pháp trị phương dược trong kinh văn: *"Người bệnh chi ẩm ở vùng hoành cách mô, thì khó thở, ngực đầy chướng, vùng dưới tâm thấy đầy chướng cứng, sắc mặt đen xạm, mạch trầm khẩn, đã bị bệnh vài mươi ngày, thầy thuốc cho dùng phép thổ, phép hạ mà không khỏi, dùng bài mộc phòng kỷ thang chủ trị. Trường hợp hư bĩ thì bệnh khỏi ngay (vì không có kết tụ). Nếu là thực chứng thì 3 ngày sau lại tái phát (vì có vật thực), cho uống tiếp mộc phòng kỷ thang thì không khỏi, phải dùng bài mộc phòng kỷ thang khứ thạch cao gia phục linh mang tiêu thang chủ trị."*	
Ôn bệnh	**MT 1**	Hiểu rõ Chứng phong ôn hình thành như thê nào, đặc điểm chứng hậu khi mới phát bệnh có gì và cách chữa.	
	MT 2	Nắm vững cách truyền thuận và nghịch của Chứng phong ôn, Chứng trạng và cách chữa của nó	
	MT 3	Trình bày chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Phong ôn lưu ở biểu	
	MT 4	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng NHIỆT THỊNH VÔ HÌNH trong Nhiệt ở Dương Minh của Phong ÔN	
	MT 5	Hiểu rõ khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Xuân Ôn	
	MT 6	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Nhiệt ở Thiếu dương đờm kinh trong Xuân Ôn	
	MT 7	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thấp Ôn	
	MT 8	Hiểu rõ chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng thấp lấn át vệ khí trong THẤP ÔN	
	MT 9	Nắm vững khái niệm, đặc điểm, nguyên nhân ,cách chữa bệnh Thử Ôn	
	MT 10	Nắm vững chứng hậu, cơ chế bệnh, pháp chữa, bài thuốc và phân tích bài thuốc điều trị chứng Tân dịch và chứng khi sắp thoát trong thử ôn	

3. Tóm tắt nội dung Học phần/ Môn học

Tác phẩm kinh điển bao gồm bốn tác phẩm y học cổ đại nổi tiếng còn được gọi là "Tứ đại kinh điển", gồm có Nội kinh, Thương hàn luận, Kim quỹ yếu lược và Ôn bệnh.

"Nội kinh" hay còn gọi là "Hoàng đế nội kinh" ra đời cách đây hơn 2.500 năm trước Công nguyên, trong thời kỳ Chiến Quốc. Là bộ sách đầu tiên và là một kiệt tác kinh điển nổi tiếng nhất. có sớm nhất nói về y học. "Hoàng đế nội kinh" đã luận thuật một cách tương đối toàn diện về hệ thống lí luận và tư tưởng học thuật của Y học cổ truyền. "Hoàng dế nội kinh" đã đặt nền móng cho sự phát triển cùa Y học cổ truyền Trung Quốc nói riêng và Y học cổ truyền trên thế giới nói chung. Nguyên tắc chân trị trên lâm sàng trong "Hoàng đế nội kinh" vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo trong thực tiễn y học cho đến ngày nay. "Hoàng đế nội kinh" là một quyển sách quy phạm để học tập và nghiên cứu Y học cổ truyền.

"Thương hàn tạp bệnh luận" bao gồm 16 cuốn (10 cuốn là Thương hàn luận và 6 cuốn là Kim quỹ yếu lược). Nếu Kim quỹ yếu lược chuyên sâu về tạp bệnh (các bệnh nội khoa) thì Thương hàn luận chuyên sâu về thời bệnh (những bệnh truyền nhiễm), lấy lục kinh biện chứng làm cơ sở y lý để biện chứng luận trị. Cho dù dành chủ yếu cho điều trị các bệnh truyền nhiễm nhưng những phương thang trong Thương hàn luận được nhiều thế hệ các thầy thuốc y học cổ truyền của nhiều nước như Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên... vận dụng trong diều trị các bệnh nội khoa đã thu được hiệu quả cao. Trương Trọng Cảnh (Nhà danh y của nền Y học cổ truyền Trung Quốc) được suy tôn là Trọng Thánh là tác giả của bộ sách Thương hàn tạp bệnh luận. Với sự ra đời gần hai thiên niên kỷ tới nay bộ sách vẫn còn nguyên giá trị về y lý y học cổ truyền và thực tiễn lâm sàng.

Hàn lâm Học sĩ Vương Chu tại quán khách phát hiện ra Trọng cảnh Kim quỹ ngọc hàm yếu lược phương gồm 3 quyển: quyển Thượng là Thương hàn, quyển Trung là Tạp bệnh, quyển hạ là Các phương pháp điều trị phụ khoa. Đối với Kim quỹ yếu lược cũng có nhiều chú thích khác nhau như: do thời gian quyển sách hiện hành này đầu tiên Vương Chu phát hiện nhưng trải qua hiệu đính của các thời đại, nên mỗi tác giả có phần chú thích riêng; tại sao có tên là Kim quỹ ngọc hàm phương mà không gọi là Thương hàn tạp bệnh luận, nguyên do người xưa gọi những cuốn sách quý là "Kim quỹ" hoặc "Ngọc hàm".

Vì vậy Hàn thư cao kỷ như hầu nói: "Kim quỹ do kim đằng dã" giải thích rằng lấy vàng làm hầm, giữ gìn bảo vệ các nghĩa. Vì thế ta nói Thương hàn tạp bệnh luận là tên gốc của sách Trọng cảnh. "Kim quỹ" và "Ngọc hàm" là tên gọi vinh dự của người đời tán thưởng sách Trọng cảnh. Vì vậy nhiều tác giả gọi Thương hàn luận là Ngọc hàm cũng là lý do đó.

Ôn bệnh là các bệnh cảm phải ôn tà. Ôn bệnh là một trong các phạm trù của bệnh ngoại cảm, bệnh có tính nhiệt như: Nóng. khát, miệng khô, mồ hôi ra nhiều, họng táo. tâm phiền, đại tiện táo, xuất huyết, điên cuồng, hôn mê, nói nhảm, co giật, mạch sác...vv. Ôn bệnh là bệnh lẻ tẻ từng người, ôn dịch là bệnh hàng loạt người bị. Chu Dương Tuấn nói: Một người bị bệnh gọi là ôn, một dịa phương bị bệnh như nhau gọi là dịch. Ôn bệnh là do ôn tà gây nên, nhưng mỗi ôn tà gặp các thời tiết (quý tiết) khác nhau phát sinh ra bệnh khác nhau. Cho nên dựa vào thời tiết khác nhau mà chia ra các bệnh.

Nắm được biện chứng của Ôn bệnh giúp các bác sĩ YHCT có phương pháp điều trị tốt đối với các bệnh Truyền nhiễm hiện nay. Kết hợp nhuần nhuyễn YHHĐ va YHCT sẽ đưa lại hiệu quả điều trị cao trong chuyên khoa Truyền nhiễm.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Tài liệu chính (TLC)

- **Nội kinh,** ***Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam,*** Nhà Xuất bản Y học.
- **Thương hàn luận,** ***Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam,*** Nhà Xuất bản Y học.
- **Kim Quỹ Yếu Lược,** ***Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, PGS.TS. Vũ Nam,*** Nhà Xuất bản Y học.
- **Ôn bệnh,** ***Trường Đại học Y Hà Nội, Khoa YHCT, GS. Trần Thúy, GS.TS. Nguyễn Nhược Kim, PGS.TS. Vũ Nam,*** Nhà Xuất bản Y học.

4.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

5. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho Học phần/ Môn học

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình ☐ Động não ☐ Từng cặp /Chia sẻ ☐ Học dựa trên vấn đề X

Hoạt động nhóm ☐ Đóng vai ☐ Học dựa vào dự án ☐ Mô phỏng ☐

Nghiên cứu tình huống ☐ Thực hiện luận văn/ thực hành/thực tập ☐

6. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập
- Thực hành/ lâm sàng:
- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt ..... %

7. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành (đối với chương trình đào tạo Thạc sĩ, tiến sĩ). Đánh giá theo thang điểm 10 (đối với chương trình đào tạo chuyên khoa 1, chuyên khoa 2).

8. Phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của Học phần/ Môn học

8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số %

- Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐

Thực hành ☐ Khác ☐

8.2. Điểm thi kết thúc Học phần/ Môn học: Trọng số %

- Hình thức thi: Tự luận x Trắc nghiệm ☐

Thực hành ☐ Vấn đáp ☐

9. Nội dung chi tiết Học phần/ Môn học

Nội dung		Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với SV
		Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
		LT	TH	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Nội kinh	Chương I: Dưỡng sinh	2	0	0	2		
	Chương II: Học thuyết âm dương, ngũ hành	2	0	0	2		
	Chương III: Học thuyết tạng tượng	2	0	0	2		
	Chương IV: Học thuyết Kinh lạc	2	0	0	2		
	Chương V: Bệnh năng	2	0	0	2		
	Chương VI: Chẩn Pháp	2	0	0	2		
	Chương VII: Phép tắc trị liệu	2	0	0	2		

	Chương VIII: Ngũ Vận – Lục khí	2	0	0	2		
Thương hàn luận	Đại cương về thương hàn luận	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thái dương (bàng quang tiểu trường)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thiếu dương (đởm, tam tiêu)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Dương minh (vị , đại trường)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thái ấm (tỳ, phế)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Thiếu âm (tâm, thận)	2	0	0	2		
	Triệu chứng của lục kinh và phương pháp điều trị Quyết âm (can, tâm bào)	2	0	0	2		
Kim quỹ yếu lược	Chương I: Mạch chứng tiên hậu bệnh tạng phủ kinh lạc Chương II: Mạch chứng và cách chữa bệnh kính thấp và trúng thử	1	0	0	1		
	Chương III: Cách chữa bệnh bách hợp; hồ hoặc, âm độc Chương IV: Mạch chứng và cách chữa bệnh ngược (sốt rét)	1	0	0	1		
	Chương V: Mạch chứng và cách chữa bệnh trúng phong, lịch tiết phong Chương VI: Mạch chứng và cách chữa bệnh huyết tý hư lao	1	0	0	1		
	Chương VII: Mạch chứng và cách chữa các bệnh phế nuy, phế ung và ho thở khí đưa lên Chương VIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh bôn đồn khí	1	0	0	1		
	Chương IX: Mạch chứng và cách chừa bệnh hung tý, tâm thống và đoản khí Chương X: Mạch chứng và cách chữa bệnh phúc mãn, hàn sán và túc thực	1	0	0	1		

	Chương XI: Mạch chứng và cách chữa bệnh phong hàn tích tụ ở ngũ tạng Chương XII: Mạch chứng và cách chữa bệnh đàm ẩm, khái khấu	1	0	0	1		
	Chương XIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh tiêu khát, bệnh lâm Chương XIV: Mạch chứng và cách chửa bệnh thuỷ khí	1	0	0	1		
	Chương XV: Mạch chứng và cách chữa bệnh hoàng đản Chương XVI: Mạch chứng và cách chữa bệnh kinh quý, thổ nục, hạ huyết, ngực đầy, ứ huyết	1	0	0	1		
	Chương XVII: Mạch chứng và cách chữa bệnh ẩu thổ, uế, hạ lợi Chương XVIII: Mạch chứng và cách chữa bệnh sang ung, trường ung, tẩm dâm bệnh	1	0	0	1		
	Chương XIX: Mạch chứng và cách chữa bệnh phu quyết, sưng đau ngón tay cánh tay, chuyển cân, hồ sán, hồi trùng Chương XX: Mạch chùng và cách chữa bệnh thai nghén ở phụ nữ	1	0	0	1		
	Chương XXI: Mạch chứng và cách chữa bệnh phụ nữ sau đẻ Chương XXII: Mạch chứng và cách chữa tạp bệnh ở phụ nữ	1	0	0	1		
Ôn bệnh	Chương I: Bệnh phong ôn	2	0	0	2		
	Chương II: Bệnh xuân ôn	2	0	0	2		
	Chương III: Bệnh thử ôn	2	0	0	2		
	Chương IV: Bệnh thấp ôn	2	0	0	2		
	Chương V: Bệnh phụ thử	2	0	0	2		
	Chương VI: Bệnh thu táo	2	0	0	2		
	Chương VII: Ôn độc	2	0	0	2		
	Chương VIII: Ôn dịch	2	0	0	2		
	Chương IX: Đông ôn	2	0	0	2		

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành, **10.**

Thông tin về giảng viên

- Họ và tên: PGS.TS Vũ Nam

- ĐT:0978163646

- Email:

- Họ và tên: PGS.TS Phạm Quốc Bình

- ĐT 0912757262

- Email: phamquocbinh68@gmail.com

- Họ và tên: GS.TS Trương Việt Bình

- ĐT 0369688688

- Email:

- Họ và tên: TS Trần Thị Hồng Ngãi

- ĐT 0915009672

- Email: Ngaidytw72@yahoo.com

- Họ và tên: TS Nguyễn Duy Tuân

- ĐT 0828991883

- Email: tuanzibi@gmail.com

KT GIÁM ĐỐC **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**TRƯỞNG KHOA** ***(Ký, ghi rõ họ tên)***	**KHOA/BỘ MÔN**
		Trần Thị Hồng Ngãi

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn: Phương pháp sư phạm y học

5

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: TS Lưu Minh Châu

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ: Bộ môn Y tế công cộng

Điện thoại: 0604159777 Email: minhchauytdp@gmail.com

- Thông tin về trợ giảng (*nếu có*) (*họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail*):

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm:

Điện thoại: Email:

- Giảng viên tham gia giảng dạy: PGS.TS Trần Thị Minh Tâm

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm liên hệ: Điện thoại: email:

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Phương pháp sư phạm y học

Tên tiếng Anh:.....

2.2. Mã học phần:

2.3. Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): (02LT/01TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Chuyên khoa I

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: *(bắt buộc hay tự chọn) Bắt buộc*

2.6. Các học phần tiên quyết: Không

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có)*: Không

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 30 giờ

+ Làm bài tập trên lớp: …

+ Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: … tiết/tổ

+ Thực hành, thực tập *(ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...)*: 30 giờ

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm … học viên

+ Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Y tế công cộng

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

1. Trình bày được các phương pháp giảng dạy tích cực; Phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề

2. Trình bày được tiêu chuẩn dạy tốt

3. Trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt

3.1.2. Kĩ năng:

1. Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu

2. Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng

3. Viết 01 kế hoạch bài giảng và giảng thử

3.1.3. Thái độ:

1. Xác định vai trò, ý nghĩa kế hoạch bài giảng

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần *(viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).*

Các qui định pháp lý cơ bản trong công tác dược trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, tồn trữ và sử dụng v.v… Cụ thể:

**** Lý thuyết***

- Phân tích được ưu và nhược điểm của 07 phương pháp giảng dạy tích cực
- Xác định và vận dụng được tiêu chuẩn dạy tốt và trình bày được tiêu chuẩn lượng giá tốt trong giảng dạy

**** Thực hành***

- Viết được mụa tiêu bài học theo kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm theo tiêu chuẩn mục tiêu và thành phần mục tiêu là cơ sở viết kế hoạch bài giảng
- Hoàn thiện 01 kế hoạch bài giảng (giả định) và giảng thử

4. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về dạy học, mục tiêu học tập, phương pháp lượng giá và cách soạn thảo kế hoạch bài giảng. Môn học này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các học viên trong quá trình học tập mà giảng viên chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực.

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
1	Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4 tiết	- Phân tích được ưu và nhược điểm của 07 phương pháp giảng dạy tích cực	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
2	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4	Vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
3	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4	Vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề, giải quyết vấn đề và dựa trên vấn đề	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời

				học – dạy, thảo luận	giảng
4	Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu Xây dựng và phát triển chương trình dạy học.	4	Viết được mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu 2. Thiết kế được quy trình dạy học và lập được kế hoạch bài giảng và phát triển chương trình	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
5	Thiết kế kế hoạch bài giảng	4	Hoàn thành kế hoạch bài giảng	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
6	Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	4	Ứng dụng được các phương tiện hỗ trợ giảng dạy	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng
7	Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3	Ứng dụng được các phương tiện hỗ trợ giảng dạy	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị

				Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Minh Tâm và mời giảng
8	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3	Ứng dụng được các phương tiện hỗ trợ giảng dạy	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

(1) Phạm Thị Minh Đức (2016), Sư phạm y học thực hành, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Y Hà Nội (2004), Dạy học tích cực trong đào tạo y học

(2) Đại học Y Thái Bình (2010), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(3) Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(4) Học viện Quản lý giáo dục BGD&ĐT (2006), Bài giảng Giáo dục học đại học.

(5) Bộ Y tế (2010). Phương pháp giảng dạy Y-Dược học

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, học viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được ***số giờ tín chỉ*** *sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)*

Lịch trình dạy-học *(thiết kế cho cả tiến trình)*

Giảng dạy lý thuyết

				Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Minh Tâm và mời giảng
8	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3	Ứng dụng được các phương tiện hỗ trợ giảng dạy	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	TS. Lưu Minh Châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm và mời giảng

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

(1) Phạm Thị Minh Đức (2016), Sư phạm y học thực hành, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam. Năm 2016

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Y Hà Nội (2004), Dạy học tích cực trong đào tạo y học

(2) Đại học Y Thái Bình (2010), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(3) Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam (2014), Phương pháp dạy học tích cực trong đào tạo y học.

(4) Học viện Quản lý giáo dục BGD&ĐT (2006), Bài giảng Giáo dục học đại học.

(5) Bộ Y tế (2010). Phương pháp giảng dạy Y-Dược học

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, học viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được ***số giờ tín chỉ*** *sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)*

Lịch trình dạy-học *(thiết kế cho cả tiến trình)*

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Phương pháp dạy học, dạy học tích cực, tiêu chuẩn dạy tốt	4			Thảo luận (… T)		*Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác*	
2	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	4			Thảo luận (… T)			
3	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề (Y học cổ truyền)	4			Thảo luận (7T)			
4	Xây dựng và phát triển chương trình dạy học. Xác định mục tiêu dạy/học và phân cấp mục tiêu	4						
5	Thiết kế kế hoạch bài giảng	4						
6	Các kỹ năng hướng dẫn và hỗ trợ học tập	4						
7	Phương pháp lượng giá kiến thức, kỹ năng và thái độ	3						
8	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	3						
9	Thiết kế kế hoạch bài giảng				15			

10	Giảng thử				15			

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Các phương tiện và công cụ hỗ trợ dạy học	15	TS. Lưu Minh châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm	Mời giảng
2	Thiết kế kế hoạch bài giảng	15	TS. Lưu Minh châu PGS.TS Trần Thị Minh Tâm	Mời giảng

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: làm tiểu luận và giảng thử
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 6/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%

Quy định về thời hạn: Học viên phải tự chuẩn bị bài bằng slide được giảng viên phân công trước theo mỗi nhóm 15 người. Việc nhiều nhóm làm slide khác nhau rồi tự chuyển cho nhau trong lớp. Sinh viên phải đọc bài và slide để chuẩn bị lên lớp, tự trao đổi trước với nhau. Trên lớp giảng viên chỉ định bất cứ sinh viên nào lên trình bày và bất cứ ai giải trình slide đang trình bày để làm rõ các vấn đề của bài học - theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: viết tiểu luận

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Giảng thử

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm tổng kết phần thực hành X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

Điểm đạt là điểm trung bình học phần từ 6.0 điểm trở lên

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TS. Lưu Minh Châu

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HỒI SỨC CẤP CỨU (PHẦN LÂM SÀNG)

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I., Mã số đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I nghành YHCT

1. Thông tin chung về Học phần/ Môn học

- Tên Học phần/ Môn học:
* Tiếng Việt: Hồi sức cấp cứu
* Tiếng Anh: Resuscitation
- Mã Học phần/ Môn học: HVHS
- Số tín chỉ: 02
- Đối tượng học: Bác sĩ chuyên khoa I YHCT năm 1
- Vị trí của Học phần/ Môn học trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □X	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: tiết
* Thực hành: 90 tiết
* Bài tập: tiết
* Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
* Kiểm tra: tiết
- Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn HSCC & chống độc

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	TS. Trần Văn Phú	094888088	drtranvanphu@yahoo.com
2.	PGS. Vũ Đức Định	0913588640	drvuducdinh@gmail.com

3.	Ths. Bùi Nam phong	0914388998	namphong70icu198@gmail.com
4.	TS. Nguyễn Thế Anh	0988555929	theanhhstc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sau khi kết thúc Học phần/ Môn học, học viên đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
	Kiến thức		
MT1	Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT2	Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm…).	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
	Kỹ năng		
MT3	Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
MT4	Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	5
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT5	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	[CĐR3], [CĐR 7] , [CĐR 20]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	**CLO1**: Nhận định được những vấn đề chung, khẩn cấp và cấp cứu hồi sức của một số bệnh lý hồi sức cấp cứu
MT2: Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm…).	**CLO 2**: Biết được ý nghĩa của các cận lâm sàng chẩn đoán thường được thực hiện (EKG, X quang, các xét nghiệm…).
Kỹ năng	
MT3: Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu	**CLO 3:** Lập luận, giải thích được chẩn đoán xác định chẩn đoán phân biệt một số bệnh lý hồi sức cấp cứu.
MT4: Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.	CLO4: Nhận định và xử trí được một số tình huống cấp cứu hồi sức, phân tích chẩn đoán và đề xuất điều trị được một số bệnh hồi sức cấp cứu thường gặp. Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc. Chủ động và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện	**CLO 5**: Chủ động, kỷ luật và chịu trách nhiệm cá nhân về các hoạt động học tập tại Bệnh viện,.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; *Mức 2: Trung bình ;* *Mức 3: Cao*

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)

	1	2	3	4	5
Khó thở cấp	3	3	3	3	2
Đau ngực cấp ở người lớn	3	3	3	3	2
Rối loạn ý thức và hôn mê	3	3	3	3	2
Xử trí tăng kali máu/ suy thận	3	3	3	3	2
Điện giải và khí máu	3	3	3	3	2
Đau bụng cấp	3	3	3	3	2
Rối loạn nhịp tim và huyết động	3	3	3	3	2
Xuất huyết tiêu hóa	3	3	3	3	2
Ngộ độc cấp	3	3	3	3	2
Hôn mê tăng ALTT	3	3	3	3	2
Hôn mê tăng ALTT	3	3	3	3	2
Xuất huyết não	3	3	3	3	2
Nhồi máu não	3	3	3	3	2
Sốc nhiễm khuẩn	3	3	3	3	2
Hôn mê hạ đường huyết	3	3	3	3	2
Cơn tăng huyết áp	3	3	3	3	2
Phù phổi cấp	3	3	3	3	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Hồi sức cấp cứu là học phần rất quan trong, nó cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về một số bệnh cấp cứu thường gặp. Học phần này sẽ tập trung chủ yếu vào thực hành các kỹ năng thăm khám, hỏi bệnh, nhận định tình trạng cấp cứu, lập luận chẩn đoán đưa ra chẩn đoán sơ bộ ,chỉ định cận lâm sàng và nhận định được kết quả cận lâm sàng từ đó lập luận đưa ra chẩn đoán xác định và hướng điều trị , Xây dựng đúng kế hoạch quản lý thích hợp cho bệnh nhân, theo dõi bệnh nhân đáp ứng với điều trị và theo dõi tất cả các bất thường để can thiệp một cách kịp thời.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	**Hình thức tổ chức dạy học**					**Yêu cầu đối với học viên**
	Lên lớp (Tiết)				**Tự học (Giờ**	
	LT	**TH**	**BT/ TL/KT**	**Tổng cộng**		
Khó thở cấp		8		8	8	Thăm khám bệnh nhân, làm bệnh án giảng, tham gia thảo luận lâm sàng, kiên tập và tham
Đau ngực cấp ở người lớn		4		4	4	
Rối loạn ý thức và hôn mê		8		8	8	
Xử trí tăng kali máu/ suy thận		4		4	4	

Điện giải và khí máu		4		4	4	gia thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật thăm dò và điều trị
Đau bụng cấp		8		8	8	
Rối loạn nhịp tim và huyết động		4		4	4	
Xuất huyết tiêu hóa		6		6	6	
Ngộ độc cấp		8		8	8	
Hôn mê tăng ALTT		4		4	4	
Hôn mê tăng ALTT		4		4	4	
Xuất huyết não		4		4	4	
Nhồi máu não		8		8	8	
Sốc nhiễm khuẩn		4		4	4	
Hôn mê hạ đường huyết		4		4	4	
Cơn tăng huyết áp		4		4	4	
Phù phổi cấp		4		4	4	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bài giảng Nội bệnh lý (2022), tài liệu lưu hành nội bộ, Bộ môn Nội – Học viện YDHCT Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bệnh học nội khoa tập 1 (2022), Bộ môn Nội – Đại hoạc Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
2. Bệnh học nội khoa tập 2 (2022), Bộ môn Nội – Đại hoạc Y Hà Nội, Nhà xuất bản y học.
3. Bệnh nội tiết chuyển hóa (2013), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
4. Bệnh học cơ xương khớp nội khoa (2012), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
5. Bài giảng bệnh học nội khoa (2001), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
6. Điều trị nội khoa (2009), Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân.
7. Bệnh hô hấp(2012), Bộ môn Hô hấp - Học viện Quân Y, Nhà xuất Quân đội nhân dân

9.Kế hoạch giảng dạy

Tuần /buổi	Nội dung giảng	Hình thức tổ chức dạy học					Học viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài (giờ)
		Giảng viên lên lớp (giờ)					
		Lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1.	Khó thở cấp	8					8
2.	Đau ngực cấp ở người lớn	4					4
3.	Rối loạn ý thức và hôn mê	8					8

4.	Xử trí tăng kali máu/ suy thận	4					4
5.	Điện giải và khí máu	4					4
6.	Đau bụng cấp	8					8
7.	Rối loạn nhịp tim và huyết động	4					4
8.	Xuất huyết tiêu hóa	6					6
9.	Ngộ độc cấp	8					8
10.	Hôn mê tăng ALTT	4					4
11.	Hôn mê tăng ALTT	4					4
12.	Xuất huyết não	4					4
13.	Nhồi máu não	8					8
14.	Sốc nhiễm khuẩn	4					4
15.	Hôn mê hạ đường huyết	4					4
16.	Cơn tăng huyết áp	4					4
17.	Phù phổi cấp	4					4

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình [x] Động não [x] Từng cặp /Chia sẻ □ Học dựa trên vấn đề □ Hoạt động nhóm [ ] Đóng vai □ Học dựa vào dự án □ Mô phỏng □ Nghiên cứu tình huống [x] Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập □

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO5].
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện.
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 3, CĐR 7, CĐR 20
- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CLO1 đến CLO5

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM….

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projecter, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Tuân thủ thời gian thực hành lâm sàng, trong thời gian đi lâm sàng tại các bệnh viện, tham gia khám, chẩn đoán, điều trị; thực hiện các thủ thuật, kỹ thuần thăm dò và điều trị dưới sự hướng dẫn của giảng viên tại bệnh viện.
- Tham gia trực tại khoa học lâm sàng theo lịch phân công
- Chấp hành đầy đủ các nội quy của Bệnh viện, Khoa, Phòng.
- Thi kết thúc học phần
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Thực hiện đúng nội qui chế học lâm sàng, tham gia học lâm sàng và tham gia trực đầy đủ.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	**Điểm đánh giá quá trình**			
	Điểm chuyên cần			CĐR ...
	Tiểu luận			
	Thực hành			
2	**Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun**			
	Học viên bốc bệnh án, hỏi thi trên người bệnh.	100%	Đủ điều kiện dự thi và tham gia dự thi	CĐR 3 , CĐR 7, CĐR 20

12.3. Điểm học phần/ mô đun

- Điểm phần lý thuyết ý thuyết bằng điểm thi lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm/tự luận .
- Điểm phần lâm sàng = điểm thi lâm sàng
- Điểm tổng kết học phần = (điểm lý thuyết x2 + điểm lâm sàng x2)/4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC	**TRƯỞNG KHOA**	**KHOA/BỘ MÔN**
	(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Môn:Phương tễ học lâm sàng

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Trần Thị Thu Vân

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm liên hệ: Phòng 907

Điện thoại: 0989255272 email: *thuvan1972@gmail.com*

- Thông tin về trợ giảng (*nếu có*) (*họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail*):

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm:

Điện thoại: Email:

- Giảng viên tham gia giảng dạy: Trần Thị Thu Vân

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm liên hệ: Phòng 907

Điện thoại: 0989255272 email: *thuvan1972@gmail.com*

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Phương tễ học lâm sàng

Tên tiếng Anh: Prescription science in Traditional Medicine clinical

2.2. Mã học phần: HVPT

2.3. Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): (01LT/01TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Bác sỹ chuyên khoa 1

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: *(bắt buộc hay tự chọn) Bắt buộc*

2.6. Các học phần tiên quyết: Y lý YHCT, Đông dược, Bệnh học Nội YHCT

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có)*:

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 15 tiết

+ Làm bài tập trên lớp:

+ Lâm sàng: 45 tiết.

+ Thực hành, thực tập *: lâm sàng đi tại các bệnh viện vào các buổi sáng.*

+ Hoạt động theo nhóm:

Lý thuyết: cả lớp học tập trung.

Lâm sàng: chia nhóm 8 bạn/nhóm đi lâm sàng các khoa trên bệnh viện vào tất cả các buổi sáng.

+ Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: bộ môn Phương tễ

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

+ Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc

+ Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi phương thuốc theo YHCT

+ Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc

+ So sánh được phương thuốc cùng nhóm

3.1.2. Kĩ năng: Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng

3.1.3. Thái độ:

Nhận thức được vai trò, trách nhiệm khi kê phương thuốc điều trị trên bệnh nhân trên lâm sàng hướng tới mục tiêu sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần *(viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).*

Phương tễ học lâm sàng là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT kết hợp với thăm khám lâm sàng để đưa ra phương thuốc phù hợp điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

**** Lý thuyết***

Buổi 1: Tên bài: Nguyên tắc trị liệu YHCT, Phương thuốc giải biểu, Phương thuốc thanh nhiệt

Buổi 2 : Tên bài: Phương thuốc hoà giải- Phương thuốc ôn lý- Phương thuốc trừ phong- Phương thuốc trừ thấp- Phương thuốc trừ phong thấp

Buổi 3 : Tên bài: Phương thuốc an thần- Phương thuốc cố sáp- Phương thuốc lý khí- Phương thuốc lý huyết- Phương thuốc trừ đàm

Buổi 4 : Tên bài: Phương thuốc bổ

** Lâm sàng*

Bình bệnh án vào các buổi sáng đi lâm sàng tại bệnh viện.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Phương tễ học lâm sàng là môn học về cách cấu tạo, hình thành bài thuốc bằng cách phối hợp các vị thuốc với các tính vị khác nhau dựa theo nguyên tắc của YHCT kết hợp với thăm khám lâm sàng để đưa ra phương thuốc phù hợp điều trị bệnh, tăng cường sức khỏe.

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1: Nguyên tắc trị liệu YHCT, Phương thuốc giải biểu, Phương thuốc thanh nhiệt	1 Một số khái niệm cơ bản về Phương tễ 2 Mối quan hệ giữa Phương tễ và các phương pháp trị liệu - Trị vị bệnh - Tiêu và bản - Lập pháp chế phương - Nhân thời, nhân địa, nhân chi thi trị - Tính năng của thuốc 3. Phương thuốc giải biểu -Ma hoàng thang - Đại thanh long thang - Tiểu thanh long thang - Quế chi thang - Tang cúc ẩm	4 tiết	1. Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc 2. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT 3. Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc 4. So sánh được phương thuốc cùng nhóm 5. Vận dụng	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	PGS.TS Trần Thị Thu Vân

	- Ngân kiều tán 4. Phương thuốc thanh nhiệt - Bạch hổ thang - Thanh dinh thang - Hoàng liên giải độc thang - Đạo xích tán - Tả kim hoàn - Long đởm tả can thang - Ngọc nữ tiễn - Thanh hao miết giáp tán		được phương thuốc đó trên lâm sàng		
Chương 2: Phương thuốc hoà giải- Phương thuốc ôn lý Phương thuốc trừ phong- Phương thuốc trừ thấp- Phương thuốc trừ phong thấp	1. Phương thuốc hòa giải - Đại sài hồ thang - Tiểu sài hồ thang - Tiêu dao tán 2. Phương thuốc trừ hàn - Đại kiến trung thang - Tiểu kiến trung thang 3. Phương thuốc trừ phong - Linh giác câu đằng thang - Thiên ma câu đằng ẩm 4. Phương thuốc trừ phong thấp - Khương hoạt thắng thấp thang - Quyên tý thang	4 tiết	1. Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc 2. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT 3. Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc 4. So sánh được phương thuốc cùng nhóm	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận ……..	PGS.TS Trần Thị Thu Vân

	- Tam tý thang - Độc hoạt ký sinh thang		5. Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng		
Chương 3: Phương thuốc an thần- Phương thuốc cố sáp- Phương thuốc lý khí- Phương thuốc lý huyết- Phương thuốc trừ đàm	1. Phương thuốc An thần - Thiên vương bổ tâm đan - Giao thái hoàn - Toan táo nhân thang 2. Phương thuốc cố sáp - Ngọc bình phong tán - Tứ thần hoàn - Toan táo nhân thang 3. Phương thuốc lý khí - Việt cúc hoàn - Hậu phác ôn trung thang 4. Phương thuốc lý huyết - Huyết phủ trục ứ thang - Bổ dương hoàn ngũ thang - Hòe hoa tán 5. Phương thuốc trừ đàm - Nhị trần thang - Ôn đởm thang - Bách hợp cố kim thang - Bán hạ bạch truật thiên	4 tiết	1. Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc 2. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT 3. Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc 4. So sánh được phương thuốc cùng nhóm 5. Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận ……..	PGS.TS Trần Thị Thu Vân

	ma thang				
Chương 4: Phương thuốc bổ	- Lục vị địa hoàng hoàn - Tả quy hoàn - Đại bổ âm hoàn - Thận khí hoàn - Hữu quy hoàn - Tứ quân tử thang - Bổ trung ích khí thang - Sâm linh bạch truật tán - Tứ vật thang - Quy tỳ thang - Bát trân thang - Thập toàn đại bổ thang	3 tiết	1. Trình bày được đặc điểm phối ngũ chung của mỗi phương thuốc 2. Phân tích được cơ chế bệnh sinh của mỗi Phương thuốc theo YHCT 3. Giải thích được ý nghĩa phối ngũ của mỗi phương thuốc 4. So sánh được phương thuốc cùng nhóm 5. Vận dụng được phương thuốc đó trên lâm sàng	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận ……..	PGS.TS Trần Thị Thu Vân

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

Giáo trình Phương tễ dành cho đối tượng sau đại học - Bộ môn Phương tễ thuộc Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam biên soạn

6.2. Tài liệu tham khảo:

CK1 YHCT 2018

- 中甲 (2021), 方 学. 新世 – 全国高等中医院校 划教材, 供 中 医 用。中国中医 出版社. Đặng Trung Giáp (2021). Phương tễ học. Giáo trình dành cho các trường đại học Trung y dược trong toàn quốc- Thế kỷ mới.Hải thượng Y tông tâm lĩnh – NXB Y Học 2008

- 彭 仁 (2015), 中医方 大辞典, 人民 生出版社.

Bành Hoài Nhân (1994). Trung y phương tễ đại từ điển. Nhà xuất bản Vệ sinh nhân dân Trung Quốc, xuất bản lần thứ 2

- Viện y học trung y Bắc Kinh (1994), *Phương tễ học giảng nghĩa,* Nhà xuất bản Y học.

- Trần Văn Bản (2013), *Phương tễ học*, Nhà xuất bản Y học.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, học viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được ***số giờ tín chỉ*** *sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)*

Lịch trình dạy-học *(thiết kế cho cả tiến trình)*

Giảng dạy lý thuyết

stt	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên	Ghi chú
		Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)		
		LT	TH	BT	TL	Tổng cộng			
1	Nguyên tắc trị liệu YHCT Phương thuốc giải biểu Phương thuốc thanh nhiệt	04				04		Nghiên cứu kỹ bài trước khi lên lớp	
2	Phương thuốc hoà giải Phương thuốc ôn lý Phương thuốc trừ phong Phương thuốc trừ thấp Phương thuốc trừ phong thấp	04				04			

3	Phương thuốc an thần Phương thuốc cố sáp Phương thuốc lý khí Phương thuốc lý huyết Phương thuốc trừ đàm	04				04			
4	Phương thuốc bổ	03				03			

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Bình bệnh án điều trị chứng thất miên	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
2	Thảo luận lâm sàng điều trị chứng tý	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
3	Bình bệnh án điều trị chứng huyễn vựng	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
4	Thảo luận lâm sàng điều trị Trúng phong	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
5	Thảo luận lâm sàng điều trị chứng đàm thấp	6	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
6	Bình bệnh án điều trị chứng tiết tả	4	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
7	Bình bệnh án điều trị chứng tiêu khát	5	PGS.TS Trần Thị Thu Vân 0989255272	
8	Thi lâm sàng	6	Bộ môn Phương tễ	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Thi lâm sàng vấn đáp, thi lý thuyết làm tiểu luận.
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%
- Yêu cầu đối với lâm sàng:
  + Nộp đủ 04 bệnh án điều kiện, 01 bệnh án thi
  + Tham gia khám và điều trị cùng khoa lâm sàng.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: làm bài tiểu luận, lấy thang điểm 10

9.2 Điểm lâm sàng: học viên làm bệnh án, giảng viên hỏi thi vấn đáp từng học viên. Thang điểm 10 (trong đó điểm chấm bệnh án 4 điểm, điểm vấn đáp 6 điểm)

9.3 Điểm tổng kết học phần: Điểm TK = (Điểm LT×2 + Điểm LS)/3

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	PGS.TS Trần Thị Thu Vân

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHÂM CỨU

Môn: Châm cứu

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: TRẦN ĐỨC HỮU

Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm liên hệ:

Điện thoại: 0983951056 Email: Ts.bs.huu@gmail.com

- Thông tin về trợ giảng (*nếu có*) (*họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail*):

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm:

Điện thoại: Email:

- Giảng viên tham gia giảng dạy: PHẠM HỒNG VÂN

Chức danh, học hàm, học vị: PGS.TS

Thời gian, địa điểm liên hệ: Điện thoại: 0904306556 email:

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Châm cứu

Tên tiếng Anh:

2.2. Mã học phần: Bác sĩ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

2.3. Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): 2 tín chỉ (LT 1; LS 1)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Bác sĩ Chuyên khoa I

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: *(bắt buộc hay tự chọn) Bắt buộc*

2.6. Các học phần tiên quyết: Các môn cơ sở

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có)*

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 15

+ Làm bài tập trên lớp:

+ Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: … tiết/tổ

+ Thực hành, thực tập *(ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...)*: 15

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm học viên

+ Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn CHÂM CỨU

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.
- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí
- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi
- Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp
- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp
- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh
- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện

3.1.2. Kĩ năng:

- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp
- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu

3.1.3. Thái độ:

- Thực hiện nội quy, quy chế của Học viện, Bộ môn
- Thực hiện nội quy, quy chế của Bệnh viện, Khoa phòng

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần *(viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).*

Các qui định pháp lý cơ bản trong công tác dược trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, tồn trữ và sử dụng v.v… Cụ thể:

**** Lý thuyết***

- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.
- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí
- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi
- Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp
- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp
- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh

- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện

**** Thực hành:***

- Thực hành thành thạo các kỹ năng về: bổ tả đơn và bổ tả phối hợp
- Ứng dụng được thời sinh học, thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng Châm cứu

**** Lâm sàng:***

- Ứng dụng châm cứu trong điều tri một số bệnh.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học.
- Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí
- Trình bày được định nghĩa và ứng dụng hệ can chi
- Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp
- Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp
- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh
- Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1:	Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học, Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	04 tiết	- Trình bày được định nghĩa, phân loại của thời sinh học và thời sinh lý học, thời bệnh học. - Trình bày được mối quan hệ của thời sinh học và học thuyết vận khí trong điều tri một số bệnh .	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo	

				luận	
Chương 2:	Chuyên đề 2: Tý ngọ lưu trú, Phương pháp bổ tả	04 tiết	Trình bày được định nghĩa tý ngọ lưu trí và một số quy tắc của Tý ngọ lưu trú pháp - Mô tả được các phép bổ tả đơn và bổ tả phối hợp		
Chương 3:	Chuyên đề 3: Linh khu, Châm cứu giáp ất kinh, Châm cứu Đại thành	04 tiết	- Quan điểm về Châm cứu theo một số Y văn kinh điển: Hoàng đế Nội kinh Linh khu, Châm cứu Đại thành, Châm cứu Giáp ất kinh		
Chương 4	Chuyên đề 4: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai nghiện ma túy	04 tiết	Trình bày được một số phương pháp châm cứu mới trong điều trị: Châm tê phẫu thuật, Châm cứu cai nghiện		

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

Tài liệu giảng dạy châm cứu, dành cho đối tượng Sau Đại học.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bách khoa thư bệnh học, Trung tâm biên soạn Từ điển Bách khoa Viện nam 1991 và 1994

2. Đỗ Kiên Cường, Vũ Công Lập, Nguyễn Thị Tú Lan (1995), *Laser châm: cơ sở khoa học và khả năng ứng dụng,* WWW. Laserhcm.orgr/contents/lib/LSCCSKHNUD.pdf

3. Hoàng Phủ Mật,Lê Quý Ngưu và Lương Tú Vân dịch, Châm cứu Giáp ất kinh, Nhà xuất bản Thuận Hóa (2011)

4. Nguyễn Tài Thu –Trần Thuý ; cộng sự **Nghiêm Hữu Thành, Nguyễn Bá Quang ,** Châm cứu học sau đại học, Nhà xuất bản Y học 1997.

5. Nguyễn Tử Siêu, Hoàng đế nội kinh tố vấn, Nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh

6. Phan Quan Chí Hiếu, Châm cứu học - Tập 1, Nhà xuất bản Y học 2007.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Lịch trình dạy-học *(thiết kế cho cả tiến trình)*

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Chuyên đề 1: Từ thời sinh học đến thời bệnh học, Cấu trúc thời gian hệ Can chi và cách tính	04					*Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác*	
2	Chuyên đề 2: Tý ngọ lưu trú, Phương pháp bổ tả	04						
3	Chuyên đề 3: Linh khu, Châm cứu giáp ất kinh, Châm cứu Đại thành	04						
4	Chuyên đề 4: Châm tê phẫu thuật, điện châm hỗ trợ cai	04						

	nghiện ma túy							

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả đơn trong CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
2	Hướng dẫn thực hành phương pháp bổ tả phối hợp trong CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
3	Ứng dụng thời sinh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
4	Ứng dụng thời bệnh học trong điều trị bệnh bằng CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
5	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị HC cánh tay cổ	04	TS Trần Đức Hữu	
6	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau lưng	04	TS Trần Đức Hữu	
7	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án CHÂM CỨU trong điều trị bệnh đau thần kinh toạ	04	TS Trần Đức Hữu	
8	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị viêm loét dạ dày – tá tràng bằng CHÂM CỨU	02	TS Trần Đức Hữu	
9	Lâm sàng tại Bệnh viện, Bình bệnh án điều trị mất ngủ bằng CHÂM CỨU	04	TS Trần Đức Hữu	
10	Thi lâm sàng	02	TS Trần Đức Hữu	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: …
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: Thi trắc nghiệm trên máy

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: Hỏi thi lâm sàng và Chấm bệnh án

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3

- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.

- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	TS. Trần Đức Hưng

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KHÍ CÔNG DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẤM HUYỆT

Môn: Khí công dưỡng sinh-Xoa bóp bấm huyệt

1. Thông tin về giảng viên

- -Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: LÊ THỊ KIM DUNG
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian, địa điểm liên hệ:
- Điện thoại: 0979818222 Email: Thông tin về trợ giảng (*nếu có*) (*họ và tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, e-mail*):

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm:

Điện thoại: Email:

- Giảng viên tham gia giảng dạy:

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm liên hệ: Điện thoại: email:

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Khí công dưỡng sinh-Xoa bóp bấm huyệt

Tên tiếng Anh: Qigong nourioushing – acupressure masage

2.2. Mã học phần: Bác sĩ Chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

2.3. Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): 2 tín chỉ (LT 1; TH 0.5; LS 0.5)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Bác sĩ Chuyên khoa I

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung

2.5. Yêu cầu của học phần: *(bắt buộc hay tự chọn) Bắt buộc*

2.6. Các học phần tiên quyết: Các môn cơ sở

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có)*:....

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết: 15

+ Làm bài tập trên lớp:

+ Thảo luận: theo nhóm thực hành trên giảng đường: tiết/tổ

+ Thực hành, thực tập *(ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...)*: Thảo luận tại giảng đường : 04 tiết/tổ; Thực hành lâm sang tại bệnh viện thực hành : 04 tiết/tổ

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức Thảo luận theo nhóm … học viên

+ Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Khí công Dưỡng sinh - Xoa bóp bấm huyệt

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

- Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.
- Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.
- Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.
- Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động.
- Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh.
- Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh .
- Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.

3.1.2. Kĩ năng:

Thực hành thành thạo các kỹ năng về:

- Luyện thư giãn.
- Luyện thở.
- Luyện ý.
- Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh.
- Luyện động tác chống xơ xứng.
- Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh.

3.1.3. Thái độ:

- Ý Thức được tầm quan trọng của khí công dưỡng sinh.
- Ứng dụng được trên lâm sàng

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần *(viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).*

Các qui định pháp lý cơ bản trong công tác dược trong các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, lưu thông, tồn trữ và sử dụng v.v… Cụ thể:

**** Lý thuyết***

- Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.
- Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.
- Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.

- Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động.
- Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh.
- Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh .
- Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.

**** Thực hành:***

- Thực hành thành thạo các kỹ năng về:
- Luyện thư giãn.
- Luyện thở.
- Luyện ý.
- Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh.
- Luyện động tác chống xơ xứng.
- Thực hànhỨng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh.

**** Lâm sàng:***

- Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh.

4. Tóm tắt nội dung học phần

- Trình bày được định nghĩa, nguồn gốc, lịch sử, tác dụng và các trường phái của Khí công.
- Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh.
- Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.
- Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế động.
- Trình bày được Luyện Khí công ở tư thế tĩnh.
- Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh .
- Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1:	- Đại cương các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh. - Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều tri một số	15 tiết	- Biết được các trường phái về khí công - Trình bày được quan điểm về	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học –	

	bệnh . - Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga.		khí công dưỡng sinh Trình bày được vận dụng Khí công, dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh .	dạy, thảo luận ……	
Chương 2:	Thực hành các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xứng. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh.	15 tiết	Thực hành các kỹ năng về: - Luyện thư giãn. - Luyện thở. - Luyện ý. - Luyện tư thế trong tư thế động và trong tư thế tĩnh. - Luyện động tác chống xơ xứng. - Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh.		
Chương 3:	Ứng dụng bài tập dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh.	15 tiết	Ứng dụng thành thạo bài tập dưỡng sinh trong điều tri một số bệnh.		

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

Tài liệu giảng dạy DƯỠNG SINH – XOA BÓP BẤM HUYỆT, dành cho đối tượng Sau Đại học.

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ môn YHCT (1985), *Bài giảng YHCT tập III,* Nhà xuất bản y học, tr 7-75.
2. Bộ y tế (1966), *Khí công liệu pháp,* Vụ huấn luyện Bộ Y tế.
3. Hoàng Bảo Châu (1978), *Khí Công,* Nhà xuất bản y học.
4. Hoàng Bảo Châu (1997), *Lý luận cơ bản y học cổ truyền,* Nhà xuất bản y học, tr 7-173.
5. Dương Trọng Hiếu (1988), *Dưỡng sinh trường thọ,* Nhà xuất bản y học.
6. Nguyễn Văn Hưởng (1996), *Phương pháp dưỡng sinh*, Trung ương Hội y học cổ truyền Việt Nam.
7. Ngô Gia Hy (1995), *Khí công và y học hiện đại*, Nhà xuất bản Đồng Nai.
8. Trần Thuý, Phạm Thúc Hạnh (1997), *Dưỡng sinh khí công dân tộc,* Viện y học cổ truyền Việt Nam, 1997.
9. Vũ Quang Tiệp (1977), *Thể dục phòng bệnh và chữa bệnh,* Nhà xuất bản Thể dục thể thao.
10. Tuệ Tĩnh (1998), Hồng nghĩa giác tư y thư, Nhà xuất bản y học 1998.
11. Lê Hữu Trác (1997), Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh, Nhà xuất bản y học 1997.
12. Nguyễn Khắc Viện (1979), *Từ sinh lý đến dưỡng sinh,* Nhà xuất bản y học.
13. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2001), *Nội kinh*, Nhà xuất bản Y học.
14. Bộ môn YHCT - Trường Đại học Y Hà Nội (2009), *Y Dịch*, Nhà xuất bản Y học

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, học viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được ***số giờ tín chỉ*** *sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)*

Lịch trình dạy-học *(thiết kế cho cả tiến trình)*

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu học viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				

1	Chương/Bài 1: - Đại cương các trường phái của Khí công. - Quan điểm của Tuệ Tĩnh về Khí công – Dưỡng sinh. - Quan điểm của Hải Thượng Lãn Ông về Khí công – Dưỡng sinh.	04					*Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác*	
2	Chương/Bài 2: - Giới thiệu phương pháp luyện Khí công ở tư thế động-tĩnh	04						
3	Chương/Bài 3: Ứng dụng của khí công trong điều trị một số bệnh trên lâm sàng	04						
4	Chương/Bài 4: Giới thiệu một số hình thái KC: Dịch cân kinh, Khí công và Yoga	03						

Giảng dạy thực hành / Giảng lâm sàng

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Thực hành khí công luyện động	3	TS Lê Thị Kim Dung	
2	Thực hành khí công luyện thư tĩnh	3	TS Lê Thị Kim Dung	
3	Thực hành ứng dụng khí công trong điều tri	3	TS Lê Thị Kim Dung	
4	Thực hành ứng dụng khí công trong điều trị	3	TS Lê Thị Kim Dung	

5	Thực hành ứng dụng khí công trong điều tri	3	TS Lê Thị Kim Dung	
6	Lâm sàng ứng dụng khí công luyện thở	3	TS Lê Thị Kim Dung	
7	Lâm sàng ứng dụng khí công luyện thư giãn	3	TS Lê Thị Kim Dung	
8	Ứng dụng khí công trong điều tri trên lâm sàng	3	TS Lê Thị Kim Dung	
9	Ứng dụng khí công trong điều tri trên lâm sàng	3	TS Lê Thị Kim Dung	
10	Thi lâm sàng	3	TS Lê Thị Kim Dung	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá:
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: Tối thiểu 80%

Quy định về thời hạn: Học viên phải tự chuẩn bị bài bằng slide được giảng viên phân công trước theo mỗi nhóm 15 người. Việc nhiều nhóm làm slide khác nhau rồi tự chuyển cho nhau trong lớp. Sinh viên phải đọc bài và slide để chuẩn bị lên lớp, tự trao đổi trước với nhau. Trên lớp giảng viên chỉ định bất cứ sinh viên nào lên trình bày và bất cứ ai giải trình slide đang trình bày để làm rõ các vấn đề của bài học - theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

9.1 Điểm lý thuyết: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: theo thực tế quy định của bộ môn (bộ môn viết chi tiết cách tính của bộ môn)

9.3 Điểm tổng kết học phần:

- Điểm đánh giá kết thúc học phần các môn có cả lý thuyết và thực hành = (Điểm tổng kết phần thực hành/lâm sàng X 1.0 + Điểm tổng kết phần lý thuyết X 2.0)/3
- Điểm đánh giá kết thúc học phần đối với các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập.
- Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 (làm tròn đến 0,5).

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)

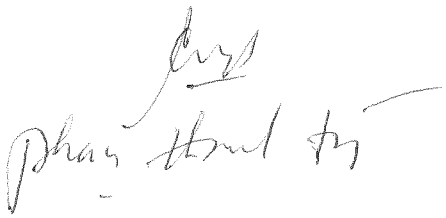

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT: CHUYÊN NGÀNH NỘI YHCT

Đối tượng đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I y học cổ truyền, Mã số đào tạo:

1. Thông tin tổng quát

- Tên học phần/ mô đun:

  Tiếng Việt: Chuyên ngành Nội y học cổ truyền

  Tiếng Anh: Traditional Internal Medicine

- Mã học phần/ mô đun:

  - Số tín chỉ: 10 LT (150 tiết)

- Đối tượng học: năm thứ 2

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Phương tễ học, Y lý

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 120 tiết

  + Lý thuyết: 72 tiết

  + Thảo luận, hoạt động nhóm: 30 tiết

  + Tự học: 18 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Nội

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1.	Đoàn Quang Huy	0984 55 8888	huydoanquang195@gmail.com
2.	Nguyễn Tiến Chung	0989 304 689	nguyentienchung89@gmail.com
3.	Trần Anh Tuấn	0904 337 910	tuantrananh@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 **Mục tiêu (Gx) [1]**	**Mô tả mục tiêu [2]** (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	**CĐR của CTĐT (X.x.x) [3]** *(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)*	**Mức độ [4]** *(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)*
1	**Kiến thức:** 1/ Hiểu được chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền. 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR...	
2	**Kỹ năng :** Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR....	
3	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm :** Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CĐR...	

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	**CĐR của học phần**
Kiến thức	
MT1: 1/ Hiểu được chủ	CĐR(1): ...GHI RÕ NỘI DUNG CĐR CỦA HỌC

chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu điều trị các chứng bệnh nội khoa y học cổ truyền.	PHẦN
MT2: 2/ Phân tích và giải quyết tốt những vấn đề lâm sàng thuộc bệnh chứng nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR...
Kỹ năng	
MT: Vận dụng được việc kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong thực hành lâm sàng các bệnh nội khoa y học cổ truyền thường gặp.	CĐR…: ...
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT: Ý thức được vai trò, vị trí của môn học với người học.	CĐR...: ...

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình ; Mức 3: Cao

Nội dung học phần	**Chuẩn đầu ra**				
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5
Chương					

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Trang bị cho người học kiến thức chuyên ngành về lý pháp phương dược của các chứng bệnh thường gặp trong lâm sàng y học cổ truyền, bao gồm: chủ chứng, bệnh sinh cốt lõi, phương thuốc và dược vị trọng yếu.

Kiến thức giáo dục đại cương □		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp □				
		Kiến thức cơ sở ngành X		Kiến thức ngành □		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp □
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc X	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	

7. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với học viên
		Lên lớp (Tiết)					Tự học	
		LT	TH	TL	BT	Tổng cộng		
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	4	0	- Chuẩn bị nội dung theo hướng dẫn - Biết sử dụng phần mềm Powerpoint
2.	Vị quản thống	4	8	2	0	15	2	
3.	Tiết tả	4	8	2	0	15	2	
4.	Tiện bí	4	8	2	0	15	2	
5.	Hoàng đản	4	8	2	0	15	2	
6.	Tọa cốt phong	4	8	2	0	15	2	
7.	Lịch tiết phong	4	8	2	0	15	2	
8.	Hạc tất phong	4	8	2	0	15	2	
9.	Cảnh chùy thống	4	8	2	0	15	2	
10.	Ma mộc	4	8	2	0	15	2	
11.	Tiêu khát	4	8	2	0	15	2	
12.	Huyễn vựng	4	8	2	0	15	2	
13.	Khái thấu	4	8	2	0	15	2	
14.	Lâm chứng	4	8	2	0	15	2	
15.	Bán thân bất toại	4	8	2	0	15	2	
16.	Hư lao	4	8	2	0	15	2	
17.	Tâm quý	4	8	2	0	15	2	
18.	Thất miên	4	8	2	0	15	2	
19.	Phì bạng	4	8	2	0	15	2	
20.	Kinh giản	4	8	2	0	15	2	
21.	Thống phong	4	8	2	0	15	2	
22.	Đàm ẩm	4	8	2	0	15	2	
23.	Huyết chứng	4	8	2	0	15	2	
	Tổng	92		34	0	255	**45**	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính

Bài giảng Bệnh học Nội khoa y học cổ truyền, Bộ môn Nội, Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

8.2. Tài liệu tham khảo

Nội khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

TT	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1.	Đại cương học phần	4	0	0	0	0	0
2.	Vị quản thống	4	0	0	2	1	8
3.	Tiết tả	4	0	0	2	1	8
4.	Tiện bí	4	0	0	2	1	8
5.	Hoàng đản	4	0	0	2	1	8
6.	Tọa cốt phong	4	0	0	2	1	8
7.	Lịch tiết phong	4	0	0	2	1	8
8.	Hạc tất phong	4	0	0	2	1	8
9.	Cảnh chùy thống	4	0	0	2	1	8
10.	Ma mộc	4	0	0	2	1	8
11.	Tiêu khát	4	0	0	2	1	8
12.	Huyễn vựng	4	0	0	2	1	8
13.	Khái thấu	4	0	0	2	1	8
14.	Lâm chứng	4	0	0	2	1	8
15.	Bán thân bất toại	4	0	0	2	1	8
16.	Hư lao	4	0	0	2	1	8
17.	Tâm quý	4	0	0	2	1	8
18.	Thất miên	4	0	0	2	1	8
19.	Phì bạng	4	8	2	0	15	8
20.	Kinh giản	4	8	2	0	15	8
21.	Thống phong	4	8	2	0	15	8
22.	Đàm ẩm	4	8	2	0	15	8
23.	Huyết chứng	4	8	2	0	15	8
TỔNG		**72**	**0**	**0**	**34**	**18**	**138**

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có giảng đường, máy chiếu, phấn bảng, các phương tiện phục vụ giảng dạy theo nội dung bài học.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với học viên

- Học viên tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập.
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên.
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	**Điểm thi kết thúc học phần**			
	Thi tự luận hoặc trình bày tiểu luận	67%		

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm thi thực hành và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ), sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

BAN GIÁM ĐỐC **TRƯỞNG KHOA** **PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**

PGS.TS Đoàn Quang Huy

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CHUYÊN NGÀNH NHI

1. Thông tin về giảng viên

Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: mời giảng

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm:

Điện thoại: Email: @gamil.com

Giảng viên tham gia giảng dạy:

Chức danh, học hàm, học vị:

Thời gian, địa điểm liên hệ:

Điện thoại: email: @gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Chuyên ngành Nhi

Tên tiếng Anh: Pediatrics major

2.2. Mã học phần: HVNH

2.3. Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): 40 (5 LT/35TH)

2.4. Áp dụng cho

+ Ngành đào tạo: Y học cổ truyền. Mã ngành đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa I ngành Y học cổ truyền

+ Bậc đào tạo: Sau Đại học

+ Hình thức đào tạo: Chính qui, 2 năm (tập trung) hoặc 3 năm (tập trung theo chứng chỉ)

2.5. Yêu cầu của học phần: *(bắt buộc hay tự chọn) Tự chọn*

2.6. Các học phần tiên quyết: Các học phần bắt buộc và Chuyên ngành Nội

2.7 Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có)*:

2.8 Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Lý thuyết: 75 tiết

+ Lâm sàng: 390 tiết

+ Hoạt động theo nhóm: Lý thuyết: cả lớp; Thực hành theo hình thức: học bên giường bệnh ca ngắn, học bên giường bệnh ca dài, thảo luận nhóm

+ Tự học: 0

2.9. Bộ môn phụ trách học phần: Nhi

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu đào tạo chung của học phần

Sau khi học xong sinh viên có khả năng:

3.1.1. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm trẻ em, các khái niệm và nội dung về chẩn đoán, điều trị nhi khoa YHCT
- Có kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ
- Vận dụng được kiến thức chẩn đoán và điều trị, chăm sóc, phòng một số bệnh hay gặp ở nhi khoa theo YHCT, có kết hợp YHHĐ.

3.1.2. Kĩ năng:

- Kỹ năng thu thập thông tin
- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng giao tiếp với bệnh nhi và người nhà bệnh nhi;
- Kỹ năng vận dụng được vọng văn vấn thiết trong thăm khám bệnh nhi; có kỹ năng dùng thuốc và không dùng thuốc để điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em

3.1.3. Thái độ:

Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần *(viết cho từng ý quan trọng của từng chương, vấn đề).*

Các đặc điểm sinh lý, bệnh lý trẻ em, đặc điểm bệnh học, điều trị và chăm sóc, phòng bệnh các bệnh hay gặp ở trẻ em theo YHCT có kết hợp YHHĐ. Cụ thể:

**** Lý thuyết***

· Các đặc điểm sinh lý, bệnh lý trẻ em

· Các đặc điểm về điều trị bệnh trẻ em

· Các học thuyết YHCT trong chẩn đoán, điều trị, chăm sóc, phòng bệnh cho trẻ em

**** Thực hành***

· Tổ chức thực hành tại các bệnh viện YHCT (bệnh viện YHCT TƯ, Bệnh viện Châm cứu Trung ương, Bệnh viện Nhi TW).

4. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung gồm các kiến thức về đặc điểm bệnh lý, sinh lý trẻ em trong YHCT, Nguyên tắc điều trị và chẩn đoán nhi khoa YHCT, các kiến thức về bệnh học và điều trị nhi khoa YHCT gồm nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, các thể lâm sàng, điều trị và phòng bệnh các bệnh thường gặp ở trẻ em . Tư vấn giáo dục sức khỏe về phòng bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ trẻ em.

Sau khi học xong học phần học viên có kiến thức, kỹ năng, thái độ cao về Nhi YHCT

5. Nội dung chi tiết học phần

(Liệt kê nội dung chi tiết của học phần theo từng chương, mục, tiểu mục hoặc theo các vấn đề chính của học phần)

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
Chương 1: Đại cương về Nhi Khoa Y Học Cổ Truyền	1. Đặc điểm nhi khoa y học cổ truyền	4	Trình bày được đặc điểm sinh lý và bệnh lý trẻ em theo Y học cổ truyền.	Kết hợp giữa dạy tích cực: Máy chiếu Slide, tương tác người học – dạy, thảo luận	Mời giảng
	2. Nguyên tắc điều trị nhi khoa yhct	4	Phân tích được các nguyên tắc điều trị trong nhi khoa Y học cổ truyền		
	3. Chẩn đoán nhi khoa yhct	4	Trình bày được tứ chẩn trong Nhi khoa Y học cổ truyền.		
Chương 2: Điều trị một số bệnh trong nhi khoa y học cổ truyền	Suy dinh dưỡng	4tiết	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Táo bón mạn tính chức năng	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ táo món mạn tính theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Tiêu chảy	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng,		

			phòng bệnh và chăm sóc trẻ tiêu chảy theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Hen phế quản	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ hen phế quản theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Bại não	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ bại não theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Di chứng viêm não	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ di chứng viêm não theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Liệt vii ngoại biên	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ liệt VII ngoại biên theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Di niệu	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ di niệu theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Co giật	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ co giật theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Sa trực tràng	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ sa trực tràng theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Viêm cầu	4	Trình bày và phân tích được khái		

	thận		niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Viêm cầu thận theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Sốt xuất huyết	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Sốt xuất huyết theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Sởi	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Sởi theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Quai bị	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Quai bị theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Thủy đậu	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Thủy đậu theo YHCT có kết hợp YHHĐ		
	Chân tay miệng	4	Trình bày và phân tích được khái niệm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng bệnh và chăm sóc trẻ Chân tay miệng theo YHCT có kết hợp YHHĐ		

6. Học liệu

6.1. Giáo trình học tập:

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1]Nhi khoa y học cổ truyền, Khoa y học cổ truyền, Trường Đại học Y Hà Nội (2017), Nhà xuất bản Y học

[2]Chuyên đề nhi khoa y học cổ truyền , Vũ Nam (2005), Nhà xuất bản y học.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

(Đây là nội dung rất quan trọng đối với giáo viên, sinh viên và người quản lí. Mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu... Giáo viên phải cập nhật nội dung này hàng năm. Mỗi nội dung trong lịch trình dạy-học, phải xác định được ***số giờ tín chỉ*** *sẽ thực hiện ở từng hình thức trên)*

Lịch trình dạy-học *(thiết kế cho cả tiến trình)*

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học		
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Chương 1: Đại cương về Nhi Khoa Y Học Cổ Truyền	12			Thảo luận (0 T)		*Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác*	
2	Chương 2: Điều trị một số bệnh trong nhi khoa y học cổ truyền	64			Thảo luận (0 T)			

Giảng dạy thực hành

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết thảo luận	Học tại buồng bệnh	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	**ĐẶC ĐIỂM NHI KHOA YHCT**	28	38	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
2	**NGUYÊN TẮC ĐIỀU TRỊ NHI KHOA YHCT**	28	38	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
3	**CHẨN ĐOÁN NHI KHOA YHCT**	28	38	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
4	**SUY DINH DƯỠNG**	32	40	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968

5	**TÁO BÓN MẠN TÍNH CHỨC NĂNG**	32	40	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
6	**TIÊU CHẢY**	32	40	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
7	**HEN PHẾ QUẢN**	46	42	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
8	**BẠI NÃO**	46	42	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
9	**DI CHỨNG VIÊM NÃO**	46	42	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
10	**LIỆT VII NGOẠI BIÊN**	32	42	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
11	**DI NIỆU**	18	38	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
12	**CO GIẬT**	32	40	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
13	**SA TRỰC TRÀNG**	32	40	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
14	**VIÊM CẦU THẬN**	32	40	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
15	**SỐT XUẤT HUYẾT**	32	40	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
16	**SỞI**	18	38	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
17	**QUAI BỊ**	18	38	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
18	**THỦY ĐẬU**	28	38	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968
19	**CHÂN TAY MIỆNG**	32	40	Mời giảng	Nguyễn Thị Quỳnh Nga /0988173968

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá: Thi trắc nghiệm hoặc tư luận tùy theo yêu cầu thực tiễn của thi lý thuyết. Ưu tiên thi tự luận lý thuyết. Thi lâm sàng tại bệnh viện phần thực hành
- Điểm đạt: 4/10 theo tín chỉ hoặc 5/10 tính theo niên chế
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; học lâm sàng phải đạt 90% số buổi có mặt tham gia.

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Áp dụng thang điểm 10, sau đó quy về thang điểm 4;

Điểm học phần là điểm trung bình của điểm thực hành và thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ) tính theo trọng số điểm

TK = 0.4 TH + 0.6 thi.

Thi cuối kỳ: Kết quả đạt là không dưới 4/10 điểm (1/3 điểm là trọng số điểm thực hành và 2/3 điểm là trọng số điểm lý thuyết).

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	Nguyễn Thị Quỳnh Nga

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN YDHCT VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CHUYÊN NGÀNH NGOẠI YHCT

1. Thông tin về giảng viên

- Họ và tên giảng viên phụ trách học phần: Đoàn Minh Thụy
Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư – Tiến sĩ YHCT
Thời gian, địa điểm liên hệ: BM Ngoại YHCT
Điện thoại: 0912933156 email: doanminhthuyvn@yahoo.com
- Giảng viên tham gia giảng dạy: Lê Mạnh Cường
Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ y khoa
Thời gian, địa điểm liên hệ: BM Ngoại YHCT
Điện thoại: 0912234722 email: drcuong68@gmail.com
- Giảng viên tham gia giảng dạy: Dương Minh Sơn
Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ YHCT
Thời gian, địa điểm liên hệ: BM Ngoại YHCT
Điện thoại: 0913553209 email: tuongson.dng@gmail.com

2. Thông tin chung về học phần

2.1. Tên học phần: Chuyên ngành ngoại khoa
Tên tiếng Anh:
2.2. Mã học phần: HVNG
2.3. Số tín chỉ (*lên lớp/thực hành/tự học*): 40.0 (10.0 LT/ 30.0 TH)
2.4. Áp dụng cho
+ Ngành đào tạo: YHCT
+ Bậc đào tạo: Bác sĩ chuyên khoa 1 Y học cổ truyền.
+ Hình thức đào tạo: Chính qui, tập trung
2.5. Yêu cầu của học phần: *(bắt buộc hay tự chọn): Bắt buộc*
2.6. Các học phần tiên quyết:
2.7. Các yêu cầu khác đối với học phần *(nếu có)*:
2.8. Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
+ Nghe giảng lý thuyết: 150 tiết
+ Làm bài tập trên lớp:
+ Thảo luận:
+ Thực hành, thực tập *(ở phòng thực hành, thực tế ở hiện trường...)*: 900 tiết

+ Tự học: 0

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại YHCT.

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học viên có khả năng:

***3.1.* Về kiến thức:**

1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên, bệnh sinh của các bệnh lý ngoại khoa

2. Giải thích được cơ chế bệnh sinh của các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHHĐ.

3. Giải thích đúng lý do chỉ định phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ.

4. Giải thích được nguyên nhân, biện chứng luận trị, chẩn đoán và pháp phương điều trị bằng châm cứu và thuốc yhct các bệnh lý ngoại khoa.

3.2. Về kỹ năng:

1. Đưa ra chính xác các chỉ định cận lâm sàng chẩn đoán các bệnh lý ngoại khoa

2. Đưa ra được chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh.

3. Đưa ra được chỉ định điều trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa

3.3. Thái độ:

1. Thể hiện được sự cẩn trọng, tỉ mỉ, tính chuyên nghiệp đối với các chứng cứ y học khi đưa ra chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ngoại khoa.

2. Nhận thức được bệnh lý ngoại khoa và đưa ra được chẩn đoán, phương pháp điều trị các bệnh lý ngoại khoa, đòi hỏi học viên có những kiến thức cơ bản về ngoại khoa. Vận dụng những kiến thức cơ bản đó trong thực hành ngoại khoa tại bệnh viện nhằm tăng cường hiệu quả điều trị.

3.2. Mục tiêu đào tạo cụ thể về kiến thức của học phần

3.2.1. Lý thuyết

1. Giải thích được cơ chế bệnh nguyên ,bệnh sinh, các triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng, chẩn đoán được các bệnh lý ngoại khoa điển hình theo YHCT và YHHĐ

trị bằng châm cứu và thuốc YHCT các bệnh lý ngoại khoa

3. Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh

3.2.2. Thực hành

1. Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ (xác định, phân biệt) và YHCT (Bệnh danh, nguyên nhân,bát cương, tạng phủ kinh lạc, thể bệnh) trên người bệnh

2. Đưa ra được chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng châm cứu và thuốc YHCT

3. Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ

4. Tóm tắt nội dung học phần

Giúp học viên có kiến thức tổng hợp, phân tích và vận dụng các kiến thức của YHCT trong viêc học tập và nghiên cứu về bệnh nguyên, bệnh sinh, triệu chứng, biện chứng luận trị đưa ra chẩn đoán và pháp phương điều trị các mặt bệnh ngoại khoa theo YHCT, kết hợp YHCT và YHHĐ một cách khoa học. Đồng thời giúp sinh viên ứng dụng một số kỹ thuật hiện đại trong thăm khám, chẩn đoán, đưa ra pháp phương điều trị, dự phòng các bệnh lý ngoại khoa theo YHCT và YHHĐ.

5. Nội dung chi tiết học phần

Chương /Phần	Nội dung chi tiết	Số tiết (giờ)	Mục tiêu cụ thể	Hình thức dạy-học	Giảng viên phụ trách
	Chương 1: Bệnh lý Da liễu	30	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn

/Phần	Nội dung chi tiết	(giờ)	Mục tiêu cụ thể	dạy-học	phụ trách
	Chương 2: Bệnh lý hậu môn trực tràng	30	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn
	Chương 3: Bệnh lý Y học giới tính	40	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn
	Chương 4: Bệnh lý tim mạch	20	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn

/Phần	Nội dung chi tiết	(giờ)	Mục tiêu cụ thể	dạy-học	phụ trách
			được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ		
	Chương 5: Bệnh lý tiết niệu	30	- Đưa ra được các chỉ định cận lâm sàng ,chẩn đoán chính xác các bệnh lý ngoại khoa theo YHHĐ và YHCT; Đưa ra được chẩn đoán ,chỉ định điều trị các bệnh lý ngoại khoa bằng YHCT kết hợp YHHĐ	- Trình bày, phát vấn - Trao đổi, thảo luận, semina	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy. TS. Lê Mạnh Cường. Ts. Dương Minh Sơn

6. Học liệu *(giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo)*

6.1. Tài liệu chính:

[1]. Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2016), *Giáo trình ngoại khoa y học cổ truyền*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

[2]. Tài liệu phát tay.

6.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Bộ y tế (2008), Ngoại bệnh lý, Nhà xuất bản y học.

[2]. Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2013), Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[3] . Trường đại học y Hà Nội, Bộ môn ngoại(2010), Bài giảng bệnh học ngoại khoa. Nhà xuất bản y học.

[4]. Trường đại học y Hà Nội, Khoa y học cổ truyền(2007), Ngoại khoa y học cổ truyền. Nhà xuất bản y học.

7. Hình thức tổ chức dạy – học

Lịch trình dạy-học *(thiết kế cho cả tiến trình)*

Giảng dạy lý thuyết

Thứ tự	Nội dung	GIỜ LÊN LỚP			Thực tập	Tự học	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
1	Chương 1: Bệnh lý Da liễu	30					Đọc tài liệu, chuẩn bị nội dung bài, trao đổi thảo luận các vấn đề liên quan	
2	Chương 2: Bệnh lý hậu môn trực tràng	30						
3	Chương 3: Bệnh lý Y học giới tính	40						
4	Chương 4: Bệnh lý tim mạch	20						
5	Chương 5: Bệnh lý tiết niệu	30						

Giảng dạy thực hành

TT	Tên chủ đề/ bài học	Số tiết	Giảng viên/điện thoại	Ghi chú
1	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Da liễu	180	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	
2	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý hậu môn trực tràng	180	TS. Lê Mạnh Cường.	
3	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý Y học giới tính	180	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	
4	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tim mạch	180	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy	
5	Bình bệnh án các case lâm sàng Bệnh lý tiết niệu	180	Ts. Dương Minh Sơn	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của Giảng viên

- Cách thức đánh giá:
  - Lý thuyết: thi tự luận/ làm tiểu luận
  - Thực hành: báo cáo thực hành
- Điểm đạt: từ 4/10 trở lên
- Yêu cầu sự hiện diện trên lớp:
  - Lý thuyết: nghỉ học không quá 20% tổng số giờ quy định

- Quy định về thời hạn:

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

Cách đánh giá: Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

9.1 Điểm lý thuyết: thi tự luận/ làm tiểu luận, điểm đạt từ 4/10 trở lên

9.2 Điểm thực hành/lâm sàng: báo cáo thực hành, điểm đạt từ 4/10 trở lên

9.3 Điểm tổng kết học phần:

Điểm học phần = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/3

BAN GIÁM ĐỐC DUYỆT	**PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
	PGS.TS. Đoàn Minh Thụy